

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC CÔNG BỐ LUẬT THÚ Y

Luật Thú y được công bố theo Lệnh số 03/2015/L-CTN ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Ngành Thú y Việt Nam hoạt động hiệu quả hơn, đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội và hội nhập quốc tế.

Luật Thú y gồm có 7 chương, 116 điều. Trong đó có các chương về: Phòng, chống dịch bệnh động vật; Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; Quản lý thuốc thú y; Hành nghề thú y...

Để bảo đảm công tác quản lý nhà nước về thú y hiệu lực và hiệu quả, tạo cơ sở cho việc định ra các hành vi và hình thức xử phạt vi phạm, tại Điều 13 của Luật đã bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thú y, như: Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm làm lây lan dịch bệnh động vật; khai báo, lập danh sách, xác nhận không đúng số lượng, khối lượng vật tư, hóa chất để phòng, chống dịch bệnh động vật với mục đích trục lợi; không thực hiện việc thông báo, công bố dịch bệnh động vật trong trường hợp phải thông báo, công bố theo quy định; thông tin không chính xác về tình hình dịch bệnh động vật.

Đặc biệt, vấn đề kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y cũng được quy định chi tiết tại Chương IV. Điểm mới trong nhóm các quy định về kiểm soát thú y đối với giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến sản

phẩm động vật là đã bổ sung khâu chế biến sản phẩm động vật vào quy trình kiểm soát để phù hợp với Luật An toàn thực phẩm.

Tại Điều 64 của Luật Thú y đã đưa ra các yêu cầu đối với giết mổ động vật để kinh doanh như: Động vật phải khỏe mạnh; có trong Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ và được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kiểm soát theo quy trình. Việc giết mổ động vật phải được thực hiện tại cơ sở giết mổ động vật tập trung.

Trường hợp tại các vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa có cơ sở giết mổ động vật tập trung thì việc giết mổ động vật được thực hiện tại cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ và phải đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Luật Thú y có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

BBT (gt)



Luật Thú y tạo cơ sở cho việc định ra các hành vi và hình thức xử phạt vi phạm

KẾT LUẬN CỦA THỨ TRƯỞNG TẠI HỘI NGHỊ “SƠ KẾT SẢN XUẤT VỤ LÚA HÈ THU 2015, THÚC ĐẨY TRIỂN KHAI SẢN XUẤT VỤ LÚA THU ĐÔNG 2015 CÁC TỈNH ĐBSCL”

Ngày 09/7/2015, tại Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh chủ trì Hội nghị “Sơ kết sản xuất vụ lúa hè thu 2015, thúc đẩy triển khai sản xuất vụ lúa thu đông 2015 các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)”. Ngày 06/8/2015, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông báo số 6250/TB-BNN-VP về Kết luận của Thứ trưởng tại Hội nghị. Nội dung cụ thể như sau:

Vụ thu đông là một trong những vụ sản xuất lúa chính trong cơ cấu mùa vụ sản xuất lúa ở ĐBSCL; lúa thu đông xuống giống trong thời điểm mưa nhiều nhưng thu hoạch vào khoảng thời gian nhiều nắng nên chất lượng lúa, gạo cao hơn vụ hè thu. Sản xuất lúa thu đông năm 2015 dự kiến diện tích đạt khoảng 886.000 ha, để tổ chức triển khai thúc đẩy sản xuất đạt hiệu quả cao cần thực hiện các yêu cầu:

a) Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành ĐBSCL

Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất thu đông phải đảm bảo an toàn, cụ thể:

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống đê bao trong vùng sản xuất lúa thu đông đảm bảo an toàn cho sản xuất lúa.

- Xuống giống theo lịch khuyến cáo để đảm bảo thời vụ sản xuất lúa đông xuân 2015 - 2016.

- Cơ cấu giống lúa cho vụ thu đông: Cơ cấu từ 2 - 3 giống chất lượng, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để giảm lượng giống gieo sạ, giảm chi phí sản xuất.

- Diện tích lúa thu đông có thể mở rộng ở một số tỉnh ven sông Tiền, sông Hậu gồm: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh và Long An ở những vùng có đê bao vững chắc, không bị tác động tiêu cực của lũ vào lúc cao điểm.

b) Cục Trồng trọt

- Tổng hợp kế hoạch diện tích thu đông 2015 của các tỉnh, phối hợp tổ chức triển khai trong toàn vùng.

- Chỉ đạo thời vụ xuống giống vụ lúa thu đông 2015 đảm bảo trong khung thời vụ tốt nhất: Khoảng cách từ thu hoạch lúa hè thu sang xuống giống vụ thu đông khoảng 3 tuần để làm đất, vệ sinh đồng ruộng thật tốt, tiêu hủy nguồn bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá, hạn chế ngộ độc hữu cơ, hạn chế để lúa chết như những năm trước đây.

- Khuyến cáo cơ cấu giống lúa cho vụ thu đông cần tinh gọn khoảng 3 - 5 giống chủ lực trong toàn vùng; cần lưu ý về tính chống chịu với rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, bệnh cháy lá và nhất là độ cứng cây để hạn chế đổ ngã.

- Phối hợp với các tỉnh, rà soát lại mùa vụ và cùng thống nhất với cơ quan thống kê cơ cấu mùa vụ sản xuất lúa vùng ĐBSCL gồm các vụ lúa: đông xuân, hè thu, thu đông và mùa.

c) Cục Bảo vệ thực vật

Theo dõi chu kỳ dịch hại từng vụ lúa, dự báo diễn biến dịch hại và thông báo rộng rãi đến nông dân đồng thời đề xuất giải pháp phòng trừ dịch hại đạt hiệu quả cao.

d) Tổng cục Thủy lợi

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình mưa, lũ và những diễn biến bất thường của nguồn nước sông Cửu Long, có kế hoạch phòng chống lũ, bão kịp thời.

đ) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Đẩy mạnh chương trình khuyến nông 3 giảm - 3 tăng, 1 phải - 5 giảm. Cảnh đồng lớn, giảm tối đa lượng giống gieo sạ trên héc-ta trong canh tác lúa ở ĐBSCL. Các chương trình khuyến nông nên triển khai sâu, rộng và phối hợp chặt chẽ với địa phương.

e) Viện Lúa ĐBSCL

- Định hướng cho địa phương sử dụng giống lúa phù hợp trong vụ thu đông và xây dựng kế hoạch sản xuất giống cho vụ đông xuân.

- Tiếp tục đề xuất những nghiên cứu về giảm lượng giống gieo sạ ■

BBT (gt)



Tình hình dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ thời gian qua tiếp tục có những diễn biến phức tạp, công tác quản lý dịch bệnh vẫn còn một số khó khăn, tồn tại bất cập. Nhằm nâng cao hiệu quả và giảm thiểu tối đa thiệt hại cho người nuôi tôm, ngày 14/8/2015, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát đã ban hành Chỉ thị số 6621/CT-BNN-TY về việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ. Nội dung cụ thể như sau:

1. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nuôi tôm nước lợ chỉ đạo thực hiện các nội dung:

a) Báo cáo công tác thú ý thủy sản, đề xuất nhiệm vụ thực hiện trong thời gian tới: thực hiện quan trắc cảnh báo môi trường; giám sát dịch bệnh (tập trung vào bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp và vi bào tử trùng) tại cơ sở sản xuất tôm giống và nuôi tôm xuất khẩu; kiên quyết tiêu hủy lô tôm giống dương tính với bệnh phải công bố dịch; đình chỉ hoạt động và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với cơ sở sản xuất tôm giống vi phạm nhiều lần;

b) Bố trí đủ kinh phí để triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2015 và năm 2016; gửi bản kế hoạch đã được phê duyệt về Bộ Nông nghiệp và PTNT trước tháng 10 năm 2015 để phối hợp thực hiện;

c) Tại các vùng trọng điểm cần bố trí mỗi huyện có ít nhất 3 nhân viên thú ý thủy sản, mỗi xã có 1 nhân viên thú y thủy sản; các địa phương chưa chuyển giao nhiệm vụ thú y thủy sản khẩn trương chuyển giao nguyên trạng nhiệm vụ thú y thủy sản cho ngành thú y quản lý trước tháng 9 năm 2015;

d) Đầu tư, nâng cấp Phòng thử nghiệm đạt chuẩn theo quy định; sử dụng kit xét nghiệm theo hướng dẫn của Cục Thú y hoặc Tổ chức Thú y thế giới;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng các loại vật tư trong nuôi tôm (con giống, thức ăn thủy sản, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học,...) và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

e) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm an toàn dịch bệnh, không xả thải tôm bệnh, nước từ ao nuôi bị bệnh ra môi trường; sử dụng thuốc thú y theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và cơ quan chuyên môn.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

a) Cục Thú y chủ trì tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tổ chức giám sát và xử lý dịch bệnh tại các cơ sở sản xuất tôm giống, nuôi tôm xuất khẩu; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, trực tiếp đàm phán với các nước để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản; kiểm dịch, giám sát chất lượng đối với con tôm giống, tôm nguyên liệu và thủy sản nhập khẩu; tổ chức các đoàn sang nước xuất khẩu để kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

b) Tổng cục Thủy sản phối hợp Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tuyên truyền và hướng dẫn các địa phương quy trình nuôi tôm an toàn dịch bệnh; phối hợp với Cục Thú y tổ chức kiểm tra, hướng dẫn thực hiện giám sát chất lượng vật tư đầu vào trong nuôi tôm.

c) Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản phối hợp với Cục Thú y và Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản để tháo gỡ khó khăn, rào cản kỹ thuật ảnh hưởng đến xuất khẩu; tổ chức thực hiện “Nói không với tạp chất” ■

BBT (gt)

HỘI CHỢ TRIỂN LÃM NÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm KNQG thăm gian hàng giới thiệu máy cuốn rơm của Công ty Thông tin điện tử Z755 - Bộ Quốc phòng

Để đóng góp vào các hoạt động hướng tới đại lễ kỷ niệm 70 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, tối ngày 28/8/2015 tại Quảng trường Trung tâm Văn hóa tỉnh Bình Thuận, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương và các ngành hữu quan tỉnh Bình Thuận, Công ty CP Xúc tiến thương mại và Phát triển kinh tế khai mạc Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp - Thương mại vùng Đông Nam Bộ với chủ đề “Xây dựng và phát triển nông - lâm nghiệp, thủy sản vùng kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn”.

Tham dự lễ khai mạc có trên 300 đại biểu đến từ các Cục, Vụ, Trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Công tác phía Nam - Bộ Khoa học và Công nghệ, Hiệp Hội Trang trại và Doanh nghiệp Nông nghiệp Việt Nam, đại diện lãnh đạo tỉnh Bình Thuận, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư các tỉnh trong vùng,

đại diện các đơn vị, doanh nghiệp tham gia hội chợ, bà con nông dân trong và ngoài tỉnh.

Phát biểu khai mạc Hội chợ, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhấn mạnh: “Việc tổ chức Hội chợ Nông nghiệp - Thương mại nhằm thực hiện chủ trương của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để hướng đến một nền nông nghiệp chất lượng, an toàn và phát triển bền vững. Hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của Bộ Chính trị nhằm tạo chuyển biến về nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về sự quan tâm, ưu tiên sử dụng hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, thông qua các hoạt động tại Hội chợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các nhà khoa học và người nông dân gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ nhằm khai thác thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ trở thành vùng kinh tế trọng điểm của cả nước”.

Hội chợ lần này được Ban tổ chức chuẩn bị công phu từ khâu chiêu thương, bố trí, dàn dựng gian hàng khoa học, khu gian hàng nông nghiệp nằm ở vị trí trung tâm của Hội chợ nhằm giới thiệu những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh, những tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp; quảng bá những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng, sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương đến với tất cả bà con trong vùng

nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, tăng tính hợp tác và liên kết giữa nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư để khai thác tiềm năng kinh tế to lớn của vùng Đông Nam Bộ, đồng thời góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động ở nông thôn.

Hội chợ thu hút trên 360 gian hàng của 153 đơn vị, doanh nghiệp, trong đó có gần 90 gian hàng nông nghiệp của các tổ chức, doanh nghiệp, các đơn vị nghiên cứu khoa học đến từ các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh thành khác trong nước. Đặc biệt, Hội chợ lần này có sự tham gia của Công ty Thông tin điện tử Z755 - Bộ Quốc phòng đã trưng bày giới thiệu nhiều mặt hàng có uy tín được kiểm soát chất lượng chặt chẽ tới từng linh kiện đầu vào và từng sản phẩm đầu ra theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và các quy định của quân đội, đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân (máy cuốn rơm, máy cân bằng ion, máy tạo khí ozone Z755, thiết bị báo ngắt gas...). Trong thời gian diễn ra Hội chợ, Ban tổ chức còn tổ chức các hoạt động Hội thảo “Giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và vấn đề cơ giới hóa phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ”; Tổ chức đưa đón bà con nông dân đến tham quan Hội chợ và tham dự Hội thảo; Tổ chức tư vấn kỹ thuật nông nghiệp trực tiếp cho bà con nông dân ■

VŨ BÍCH DƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

ĐIỆN BIÊN: HIỆU QUẢ TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG Ở HUYỆN TỬA CHÙA

Tửa Chùa là một huyện nghèo nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Điện Biên, có gần 90% dân số sinh sống bằng nghề nông. Toàn huyện có khoảng 10.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó đất nương 8.000 ha, diện tích canh tác lúa gần 2.000 ha. Huyện luôn chú trọng các giải pháp nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng cây trồng, vật nuôi, tạo ra các vùng chuyên canh theo hướng hàng hóa.

Những năm gần đây Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thông qua triển khai các mô hình, các chương trình, dự án khuyến nông khuyến ngư (KNKN) đã từng bước giúp nông dân huyện Tủa Chùa nâng cao trình độ sản xuất, tăng năng suất chất lượng cây trồng vật nuôi.

Mỗi năm Trạm Khuyến nông phối hợp với các cơ quan chức năng, cấp ủy, chính quyền cơ sở tổ chức từ 40 - 50 lớp tập huấn, hội thảo về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (TBKT) cho hàng nghìn lượt nông dân, cung cấp cho người dân những kỹ năng cần thiết trong sản xuất nông nghiệp; quy trình, kỹ thuật cơ bản về canh tác lúa nước; ngô, đậu tương trên đất dốc và thông tin thị trường...

Trạm Khuyến nông, Hội Nông dân huyện đã phát hàng nghìn bộ tài liệu kỹ thuật, tờ rơi, hướng dẫn kỹ năng canh tác, chăn nuôi phát triển sản xuất tới các hộ dân trên địa bàn. Đặc biệt chú trọng xây dựng và thực hiện các mô hình trình diễn để cụ thể hóa nội dung các chương trình tập huấn, chuyển giao TBKT, giúp họ từng bước làm chủ kỹ thuật canh tác. Hầu hết nông dân sau khi tham gia các mô hình trình diễn đều nắm vững kiến thức, từng bước ứng dụng TBKT vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế. Một số mô hình trình diễn đạt hiệu quả kinh tế cao, như: Mô hình chăn nuôi gà đen H'mông an toàn sinh học đã giúp đồng bào người dân tộc thiểu số thay đổi nhận thức về chăn nuôi, tiếp cận với kinh tế thị trường; mô hình trồng lúa lai, kết quả 100% hộ trên địa bàn bỏ canh tác các loại lúa giống địa phương chuyển sang canh tác các giống lúa lai Nghi Hương 2308; Nhị Ưu 838; lúa thuần IR64 ĐP; Bắc Thơm Số 7.

Anh Lò Văn Tiến, đội 10, xã Mường Báng cho biết: "Năm 2011, gia đình tôi bắt đầu trồng chủ yếu là các giống Nghi Hương 2308 và Bắc Thơm Số 7. Sản lượng lúa lai tăng 1,5 lần so với giống lúa địa

phương, cùng với đó, giá bán lúa lai cao hơn nhiều so với lúa địa phương nên trên cùng diện tích, trồng lúa lai cho thu nhập gấp đôi".

Thành công từ những mô hình trồng các loại ngô lai LVN10, CP888, LVN885 và giống đậu tương DT84 canh tác trên đất dốc... thực sự giúp nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị cây trồng. Các mô hình trình diễn đã thực sự thay đổi tư duy và hành động của người dân, giúp tác động tích cực tới sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2014 đạt 19.837,9 tấn, tăng gần 4.000 tấn (24%); giá trị kinh tế tăng trên 30% so với năm 2010.

Có thể nói, hiệu quả từ các chương trình khuyến nông ở huyện Tủa Chùa không chỉ là tăng năng suất, chất lượng cây trồng mà điều chủ yếu là giúp thay đổi nhận thức của nông dân về việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thúc đẩy hình thành các vùng sản xuất tập trung, nâng cao tính cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, qua đó góp phần nâng cao mức thu nhập của nông dân. Đời sống của đồng bào các dân tộc huyện Tủa Chùa dần còn nhiều khó khăn song những kết quả đạt được thời gian qua đã phần nào tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

NGUYỄN CHUNG

Trung tâm Khuyến nông Điện Biên



Cán bộ khuyến nông kiểm tra mô hình chăn nuôi gà đen H'mông triển khai tại hai xã Mường Báng và Sính Phình

CHUYỂN ĐỔI ĐẤT TRỒNG LÚA KÉM HIỆU QUẢ SANG NUÔI THỦY SẢN *kết hợp*

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển bền vững của tỉnh Hà Tĩnh, thời gian qua, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà đã tập trung làm tốt công tác phát triển các mô hình kinh tế để nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, trong đó có chủ trương chuyển đổi linh hoạt đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi, trồng cây, con khác có hiệu quả kinh tế hơn. Tổ hợp tác (THT) sản xuất nông nghiệp vùng Đồng Bẫy, thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn là nơi đã triển khai mô hình chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản kết hợp trồng rau. Bước đầu, mô hình này đã cho kết quả khả quan.

Vùng đất này lâu nay chỉ trồng một vụ lúa nhưng năng suất không cao bởi đất ruộng bị nhiễm phèn. Trước thực trạng đó, xã Tượng Sơn đã nhanh chóng nắm bắt chủ trương, chính sách cũng như tìm hiểu kiến thức về các loại cây, con để có thể sớm chuyển đổi vùng đất trồng lúa kém hiệu quả này sang nuôi trồng các loại cây, con khác với mục tiêu nâng cao giá trị thu nhập trên một diện tích đất canh tác cho người nông dân.

Từ cuối năm 2014, vùng Đồng Bẫy bắt đầu quy hoạch với diện tích ban đầu 2,5 ha và khởi công đào ao, xây dựng kênh mương, hệ thống tưới tiêu. Với 10 hộ dân tham gia đã thành lập THT vừa nuôi cá kết hợp trồng rau trên bờ ao, mỗi hộ có 2.500 m² đất canh tác. Đầu năm 2015, được hưởng



Mô hình ao nuôi cá kết hợp trồng rau giúp tăng giá trị sản phẩm trên cùng một đơn vị diện tích

lợi từ chính sách phát triển nông nghiệp, mỗi hộ đều được hỗ trợ giống cá; các loại giống rau, củ, quả để bắt tay vào mùa vụ mới. Đối tượng nuôi, trồng là các loài cá nước ngọt như: trắm đen, trôi, chép và các loại rau, củ, quả: bí đao, mướp hương, mướp đắng, bí ngô, đậu cove...

Cá trắm đen là loài cá nước ngọt mới được đưa vào nuôi trên địa bàn xã. Đây là loài cá có thị trường tiêu thụ lớn, bởi có thịt thơm ngon, bổ dưỡng... Với giá bán trên thị trường 100.000 đồng/kg cá, vì thế, nuôi loài cá này nếu thành công sẽ cho lợi nhuận cao. Đến thời điểm hiện tại, cá đã nuôi được hơn 3 tháng, phát triển tốt, đạt trọng lượng bình quân 0,6 - 0,7 kg/con. Khi thực hiện mô hình, mỗi thành viên được hỗ trợ 150 - 200 con cá giống, cá phát triển nhanh và không hề có dịch bệnh nên ai ai cũng rất phấn khởi. Dự kiến, khi thu hoạch, mỗi hộ dân sẽ có nguồn thu trên 40 triệu đồng, gấp 3 - 4 lần so với trồng lúa.

Cùng với nuôi cá, các hộ dân đang tích cực chăm sóc những luống rau, củ, quả mà những ngày này đang cho thu nhập khá. Cứ mỗi tuần thu hoạch được 600 - 700 kg gồm bí đao, mướp hương, mướp đắng... nếu tính theo giá nhập sỉ 4.500 đồng/kg thì đã có 2 - 4 triệu đồng cho một lần thu hoạch. Sắp tới, THT sẽ tiếp tục trồng thêm bí ngô, đậu cove... Tính đến hết vụ, bình quân mỗi hộ tham gia phải thu được trên vài chục triệu đồng từ các loại rau, củ, quả này.

Tuy diện tích chuyển đổi chưa nhiều nhưng thực tế đã cho thấy hiệu quả mang lại cao hơn so với trồng lúa, mở ra một hướng đi mới, tăng thêm thu nhập cho người dân. Nghĩ lại những ngày đầu mới quy hoạch để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng rau và nuôi thủy sản, anh Dương Kim Tuấn - một cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới xã Tượng Sơn cho biết: Khi mới quy hoạch và khởi công, không ai nghĩ sẽ

làm được vì ở đây toàn đất sét lại nhiễm phèn, thêm cái nắng hạn trong thời gian qua làm cho vùng đất trở nên cằn cỗi hơn. Nhưng với nỗ lực hết mình của những người dân cũng như sự chỉ đạo quyết liệt của cán bộ xã; sự hỗ trợ kịp thời từ các cấp, ngành liên quan mà giờ đây toàn bộ diện tích này được phủ một màu xanh của rất nhiều loại rau, củ và không khí trở nên mát mẻ bởi có những ao cá luôn trữ được nguồn nước tưới tiêu.

Theo số liệu thống kê của xã Tượng Sơn, toàn xã có tới 45 ha diện tích đất trồng lúa bị nhiễm phèn và nhiễm mặn nên cho hiệu quả rất thấp. Từ năm 2009, UBND xã đã bắt đầu thực hiện chuyển đổi số diện tích trồng lúa kém hiệu quả này sang nuôi, trồng các đối tượng khác nhưng

con số đó chưa nhiều và hiệu quả chưa cao do còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện. Từ khi xã bắt tay thực hiện chương trình Nông thôn mới thì việc đầu tư, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp được chú trọng hơn. Nhờ đó, đến nay, toàn xã đã chuyển đổi được hơn 25 ha diện tích trồng lúa sang nuôi thủy sản và một số đối tượng khác. Mô hình nuôi cá kết hợp trồng rau, củ, quả tại thôn Hà Thanh là mô hình mới và bước đầu đã cho thấy hiệu quả rõ rệt. Với cách làm sáng tạo, vừa đào ao nuôi cá kết hợp trồng rau ngay trên bờ ao, tạo sự thuận lợi trong quá trình tưới tiêu, sử dụng tối đa và tăng giá trị sản phẩm trên cùng một đơn vị diện tích.

Việc khai thác hiệu quả tiềm năng đất ruộng kém hiệu quả

chuyển đổi sang nuôi cá; trồng rau, củ, quả góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho nhiều nông dân. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục phát huy nỗ lực, tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các cấp, ngành và đơn vị đỡ đầu để không chỉ thôn Hà Thanh mà tất cả các thôn trên địa bàn xã đều được chú trọng phát triển một cách đồng bộ. Mô hình xứng đáng là điểm để tham quan học tập từ đó nhân rộng trên địa bàn xã nói riêng cũng như trên toàn tỉnh nói chung, góp phần đưa xã Tượng Sơn nhanh chóng hoàn thành các tiêu chí để sớm về đích đạt chuẩn nông thôn mới trong năm nay. ■

NGUYỄN HOÀN

Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Trẻ hóa

VƯỜN CÀ PHÊ GIÀ CỎI

Huyện Hương Hóa hiện có gần 5.000 ha trồng cà phê, trong đó hơn 4.400 ha cà phê đã cho thu hoạch, sản lượng hàng năm gần 48.000 tấn, mang lại nguồn thu gần 200 tỷ đồng. Cây cà phê đã và đang trở thành cây trồng chủ lực của huyện miền núi này, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của người dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc Pa Cô, Vân Kiều.

Tuy nhiên, do trồng đã nhiều năm nên hiện nay có gần một nửa diện tích trồng cà phê có tuổi đời

từ 12 - 15 năm đang bước vào giai đoạn già cỗi, năng suất và chất lượng đều giảm rõ rệt, có vườn chỉ đạt từ 900 - 1.000 kg quả tươi/ha. Theo người dân trồng cà phê, việc phục hồi những vườn cà phê già cỗi gặp rất nhiều khó khăn như: Thiếu quy trình kỹ thuật, nguồn giống trồng mới không bảo đảm, chi phí lớn khi phải phá đi phần lớn diện tích để tái canh trồng mới lại. Trước thực tế đó, nhóm tác giả Nguyễn Bẩy và Nguyễn Thanh Tùng đang công tác tại Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng

Trị (KNKN) đã mạnh dạn đề xuất và thực hiện thành công Đề tài Cải tạo cây cà phê chè (Catimor) ở thị trấn Khe Sanh và xã Hương Phùng (huyện Hương Hóa) bằng phương pháp “Đốn đau” và “Đốn phớt” kết hợp chăm sóc phục hồi, nâng cao năng suất cây trồng.

Trao đổi với chúng tôi, kỹ sư Nguyễn Bẩy - Trưởng nhóm thực hiện đề tài giải thích: “Đốn đau” là kỹ thuật cưa đốn triệt để nhằm cải tạo làm trẻ hóa cơ bản vườn cây cà phê già cỗi, còn “Đốn phớt” là kỹ thuật sửa cành tạo



Các đại biểu thăm mô hình trẻ hóa vườn cà phê già cỗi bằng phương pháp "Đốn đàu"

tán cho cây cà phê hàng năm, một trong các biện pháp kỹ thuật quan trọng giúp cho cây cà phê có nhiều cành hữu hiệu được phân bố đều trong tán, cho quả nhiều và ổn định qua các năm. Với phương pháp đốn đàu, cây cà phê già cỗi được cưa toàn bộ thân chỉ để lại đoạn gốc cách mặt đất 20 - 25 cm, bề mặt cắt phẳng và vát 1 góc 45°, sau khi cưa xong phải thu dọn sạch vườn cây, rải vôi khử trùng, cày hoặc cuốc toàn bộ mặt đất trong vườn cách gốc cây cà phê khoảng 50 cm nhằm cắt đứt rễ già, tạo rễ mới phát triển. Còn phương pháp đốn phớt sử dụng kèm chuyên dụng hoặc cưa cắt vát xiên góc 45° những đoạn thân cành không còn khả năng cho quả trên cây đã già cỗi.

Dẫn chúng tôi "mục sở thị" vườn cà phê của mình, ông Phan Kế Toại ở khu phố 1, thị trấn Khe Sanh - một trong hai hộ thực hiện mô hình đốn đàu cho biết: 0,6 ha cà phê của gia đình ông đã được 14 năm tuổi, mặc dù đã đầu tư chăm sóc nhưng năng suất thấp, chỉ đạt từ 1,8 - 2 tấn quả tươi/ha/năm, sâu bệnh nhiều. Đầu năm 2013, theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, ông đã mạnh dạn áp dụng thí điểm phương pháp đốn đàu trên diện tích 0,1 ha. Ông cưa gần 2 sào cà phê già cỗi, chỉ để lại cách

gốc khoảng 20 cm. Sau khi cưa đốn cây, ông cuốc rãnh bổ phân xanh, phân vi sinh và rắc vôi bột để tạo màu, giảm độ chua cho đất, qua đó kích thích cây cà phê sinh trưởng nhanh. Sau hơn 18 tháng, những cây cà phê trơ gốc ngày nào đã phát triển như cây cà phê trồng mới năm thứ 3 và bắt đầu cho quả, sản lượng đạt hơn 720 kg, tương đương năng suất 7,2 tấn/ha; cao hơn từ 1,5 - 2,5 lần so với các vườn cà phê tái canh trồng mới và các vườn cà phê già cỗi trên địa bàn. Với tốc độ phát triển của cây, niên vụ 2014 - 2015 hứa hẹn sẽ cho năng suất cao hơn nữa. Ngoài ra vườn cây còn có khả năng chịu hạn cao và ít bị các đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại. Trong thời gian tới ông sẽ áp dụng phương pháp cải tạo trẻ hóa này ra toàn bộ diện tích trồng cà phê còn lại của gia đình.

Còn tại mô hình áp dụng phương pháp đốn phớt được thực hiện tại xã Hướng Phùng, ông Nguyễn Đình Đạt - hộ thực hiện mô hình cho biết: Vườn cà phê rộng 0,8 ha của gia đình ông đã được 12 năm tuổi, tuy nhiên năng suất thu hoạch năm cao nhất chỉ đạt 2,5 tấn quả tươi/ha, còn lại bình quân chỉ đạt từ

1,9 - 2 tấn quả tươi/ha, đó là chưa kể sâu bệnh ngày càng phát sinh và gây hại. Sau khi cải tạo vườn cây bằng phương pháp đốn phớt cây phát triển tốt, cân đối, hạn chế nhiều đối tượng sâu bệnh gây hại. Chỉ sau hơn 1 năm đã cho thu hoạch, đạt năng suất gần 6,7 tấn/ha, cao hơn so với các vườn cà phê khác trên địa bàn từ 1 - 1,2 tấn/ha và cao hơn gần 2,5 lần so với vườn trồng cà phê trước đây của gia đình. Theo ông Đạt, mục đích của việc đốn phớt là cưa đốn cải tạo lại bộ khung, tạo tán cây gọn, giúp vườn cây thông thoáng, cắt bỏ các cành nhiễm sâu bệnh, cành già cỗi nên việc thực hiện tương đối đơn giản, tuy nhiên để đạt năng suất cao cần phải tăng cường bón phân và vôi nhằm cải tạo vườn cây.

Theo kỹ sư Nguyễn Bảy, các mô hình cải tạo vườn cà phê già cỗi bằng phương pháp đốn đàu và đốn phớt đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện địa phương, dễ thực hiện và ít tốn kém. Với phương pháp đốn đàu cây cà phê cho năng suất quả ổn định từ năm thứ 2, còn với phương pháp đốn phớt cho năng suất ổn định ngay từ năm đầu tiên. Cây cà phê sau khi cải tạo có thể thu hoạch thêm trong vòng 5 năm mới phải thay thế; năng suất của vườn cà phê sau cải tạo cao hơn các vườn đại trà trên địa bàn từ 1 - 1,2 tấn/ha và gấp 2,5 lần so với chính vườn thực hiện mô hình đó trước đây. Với hơn 2.000 ha cà phê đã qua chu kỳ khai thác và xuống cấp, năng suất đạt thấp, chỉ khoảng dưới 1 tấn quả tươi/ha. Vì vậy, việc nhân rộng mô hình này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho bà con đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện. ■

THỤC QUYÊN

Trung tâm KNKN Quảng Trị

Quảng Ngãi:

SỨC MẠNH LIÊN KẾT CỦA HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI Ở TỈNH TRÀ

Trong nền kinh tế thị trường, để nâng cao sức cạnh tranh thì liên kết sản xuất là yêu cầu tất yếu. Việc xây dựng hợp tác xã (HTX) kiểu mới không chỉ là câu chuyện thay tên mà phải xác định đúng vai trò, vị trí, sự cần thiết trong giai đoạn mới. HTX Dịch vụ Nông nghiệp - Nông thôn (gọi tắt là HTX) Tỉnh Trà là một trong những điểm sáng và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con xã viên.

Ông Lê Văn Chương - Chủ nhiệm HTX Tỉnh Trà chia sẻ: Là một xã vùng trung du ở phía Tây Bắc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm huyện khoảng 20 km, từ năm 2012 trở về trước, xã Tịnh Trà có 4 HTX nông nghiệp quy mô thôn, đó là Phú Thành, Thạch Nội, Trà Bình và Khánh Mỹ. Quá trình hoạt động của 4 HTX trong thời kỳ bao cấp, đến giai đoạn phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã dần dần tụt hậu, cơ sở vật chất bị bỏ ngỏ và xuống cấp trầm trọng, gây mất niềm tin đối với bà con xã viên. Trước tình hình đó, Đảng bộ xã Tịnh Trà đã ban hành Nghị quyết chuyên đề: Hợp nhất 4 HTX trên thành HTX Tỉnh Trà theo đề tài khoa học Hợp nhất các HTX quy mô thôn trên địa bàn xã Tịnh Trà.

Được sự thống nhất, hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, các sở, ban, ngành và sự đồng tình hưởng ứng của 644 xã viên, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng tài chính, Ban Chủ nhiệm đề tài phối hợp với chính quyền địa phương xác định mục tiêu xây dựng mô hình HTX hoạt động trên các phương diện sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương. Có 624 xã viên tự nguyện tham gia HTX Tỉnh Trà với tổng số vốn đóng góp đợt 1 gần 420 triệu đồng.

Bước đầu, HTX Tỉnh Trà thực hiện một số dịch vụ như làm đất, thu hoạch lúa, sản xuất và chế biến lúa giống, vật tư nông nghiệp, thủy nông, tín dụng nội bộ. Tổng vốn đầu tư đến nay là 2,791 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ nguồn ngân sách khoa học 1,295 tỷ đồng, nguồn ngân sách huyện 1 tỷ đồng, vốn cổ phần xã viên đóng góp gần 420 triệu đồng. Hàng năm doanh thu gần 4 tỷ đồng, lợi nhuận trên 108 triệu đồng. Trước đây, khi chưa có HTX Tỉnh Trà, nhu cầu gặt lúa bằng máy gặt đập liên hợp khá

lớn, do chủ máy từ các tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Bắc Giang đến nên đã nâng giá thu hoạch lúa từ 210.000 - 230.000 đồng/sào. Từ khi HTX Tỉnh Trà ra đời đã liên kết với các chủ máy từ Bắc Giang đến Bình Định thành lập đội máy gặt từ 12 - 15 chiếc và thống nhất gặt với giá 170.000 đồng/sào. Với dịch vụ này, chỉ tính phần chênh lệch bà con nông dân huyện Sơn Tịnh đã hưởng lợi với số tiền khá lớn, từ 500 - 700 triệu đồng/vụ. Những năm trước, giá lúa giống từ 15.000 - 17.000 đồng/kg nhưng từ khi có HTX Tỉnh Trà đã tổ chức sản xuất, chế biến lúa giống thì giá lúa giống hiện tại giảm còn 12.000 đồng/kg. Bởi vì, khi HTX bán lúa giống với giá 12.000 đồng/kg thì các công ty giống đều đồng loạt giảm giá, các dịch vụ khác như làm đất, mua bán vật tư nông nghiệp cũng giảm giá... Ước tính xã viên và nông dân được hưởng lợi từ 300 - 500 triệu đồng từ các dịch vụ này.



Máy cấy lúa của HTX Tỉnh Trà

Sự ra đời của HTX Tỉnh Trà bước đầu đã làm thay đổi tư duy và suy nghĩ cổ hủ về HTX của bà con xã viên và nông dân huyện Sơn Tịnh nói chung, xã Tịnh Trà nói riêng. Đạt được kết quả này là nhờ sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Sơn Tịnh. Bên cạnh đó, sự vào cuộc mạnh mẽ của hệ thống chính trị trên địa bàn xã Tịnh Trà cũng đóng góp không nhỏ vào quá trình hình thành HTX Tỉnh Trà. Hợp nhất các HTX đã tạo điều kiện thuận lợi cho HTX hoạt động hiệu quả, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường, đồng thời củng cố niềm tin của xã viên với HTX kiểu mới. ■

KIM CÚC - NHƯ ĐỒNG

Bắc Kạn: Nuôi gà đồi

Hướng phát triển kinh tế mới của xã Hà Hiệu

Trong những năm qua, phong trào nuôi gà đồi phát triển kinh tế được triển khai ở nhiều địa phương và đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tại tỉnh Bắc Kạn nói chung và xã Hà Hiệu nói riêng với lợi thế về đồi rừng, bãi chăn thả rộng, những năm qua người dân nơi đây đã chú trọng phát triển chăn nuôi gà đồi theo quy mô gia trại với số lượng từ vài trăm con trở lên, có kiểm soát dịch bệnh, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn cho người tiêu dùng.

Tiêu biểu trong phong trào này là ông Chu Đức Phương ở thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu, người được bà con trong thôn ưu ái đặt cho cái tên “Phương gà đồi”. Chia sẻ với chúng tôi, ông Phương cho biết nghề nuôi gà đồi với gia đình ông và bà con trong thôn đã có từ lâu song chủ yếu chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ, thiếu kiểm soát dịch bệnh, sản phẩm làm ra phục vụ nhu cầu gia đình là chính. Sau khi được tham gia thực hiện mô

hình nuôi gà đồi an toàn sinh học do Trung tâm Khuyến nông Khuyến lâm triển khai, ông nhận thấy hiệu quả kinh tế mang lại cao hơn so với cách thức nuôi gà truyền thống, ông đã mạnh dạn mua 200 con gà về nuôi. Sau một thời gian, nhận thấy gà phát triển tốt, thích ứng nhanh với điều kiện của địa phương, ông đã mạnh dạn mở rộng quy mô, đầu tư mua thêm gà giống về nuôi và coi đây là hướng phát triển kinh tế bền vững của gia đình. Trung bình mỗi năm gia đình ông nuôi từ 2 - 3 lứa, mỗi lứa từ 300 - 500 con.

Năm 2009 cùng với quá trình học hỏi và tích lũy kinh nghiệm ông nhận thấy giống gà mua từ bên ngoài thường không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, khó kiểm soát chất lượng nên ông đã mạnh dạn đầu tư máy ấp trứng để sản xuất gà giống, một mặt phục vụ nhu cầu chăn nuôi của gia đình, mặt khác cung ứng ra thị trường cho các hộ có nhu cầu phát triển chăn nuôi. Hàng

năm gia đình ông cung ứng ra thị trường từ 15.000 - 20.000 con gà giống phục vụ cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế của xã và người dân có nhu cầu chăn nuôi. Không chỉ chăm lo phát triển kinh tế cho gia đình ông Phương còn động viên, khuyến khích các hộ dân trong thôn phát triển nghề nuôi gà đồi thông qua việc cung ứng giống, hỗ trợ kỹ thuật, tìm đầu ra cho sản phẩm... Nhờ đó số hộ nuôi gà đồi có quy mô từ 200 con trở lên đã tăng từ 7 hộ năm 2013 lên 21 hộ năm 2015.

Ông Lê Ngọc Lợi - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã cho biết, trong những năm qua, Hà Hiệu là một trong những địa phương đi đầu trong phong trào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là xây dựng các mô hình phát triển kinh tế có giá trị cao, trong đó có mô hình chăn nuôi gà theo hướng tập trung với số lượng lớn. Để phát triển nuôi gà đồi đạt hiệu quả, những năm qua, thông qua các chương trình dự án như Chương trình 30a, Dự án 3PAD... đã hỗ trợ xây dựng nhiều mô hình gà thả vườn, thả đồi mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Có thể khẳng định rằng, phát triển mô hình nuôi gà đồi là một hướng chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo cho người dân xã Hà Hiệu, đây là mô hình xứng đáng để bà con tham quan, học tập ■

MA THẾ SƠN

Trung tâm Khuyến nông Khuyến lâm
Bắc Kạn



Mỗi năm gia đình ông Chu Đức Phương cung ứng ra thị trường từ 15.000 - 20.000 con gà giống

Kiên Giang: ĐÀO TẠO NGHỀ GẮN VỚI QUY HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



Các học viên lớp tập huấn “Canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính” thăm mô hình canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính tại tỉnh Kiên Giang

Năm 2015 là năm thứ 6 Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang (KNKN) thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, đã tạo điều kiện tốt để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và hiệu quả hoạt động khuyến nông của địa phương, đồng thời từng bước đổi mới, phát triển đào tạo nghề nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, đảm bảo chính sách công bằng về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, đặc biệt là lao động nông nghiệp thuộc nhóm đối tượng người nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số.

Năm 2014, Trung tâm KNKN Kiên Giang đã tổ chức 38 lớp đào tạo nghề cho 940 học viên thuộc 10 đơn vị huyện, thành, thị tham gia. Trong đó có 57% học viên thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc, gia đình chính sách; 7% học viên thuộc hộ cận nghèo; 36% học viên thuộc nhóm lao động

nông thôn khác. Số học viên được cấp giấy chứng nhận nghề nông nghiệp sau đào tạo đạt trên 85%. Theo số liệu khảo sát, số người có việc làm, tăng thu nhập kinh tế gia đình sau học nghề đạt trên 70%. Kết quả này đã minh chứng được vai trò và hiệu quả của công tác đào tạo nghề nông nghiệp giúp người dân được tiếp cận kiến thức, kỹ năng thực hành để phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn.

Từ đầu năm 2015 đến nay, Trung tâm đã tổ chức 14 lớp dạy nghề, chủ yếu là kỹ thuật nuôi tôm lúa; chăn nuôi gà và phương pháp phòng trị bệnh; kỹ thuật nuôi lươn, ếch, nuôi tôm càng xanh; kỹ thuật trồng lúa chất lượng cao; kỹ thuật chăn nuôi heo và phương pháp phòng trị bệnh... mang lại hiệu quả cao. Trong quá trình thực hiện, Trung tâm KNKN Kiên Giang luôn chú trọng kiến thức kỹ thuật và rèn luyện kỹ năng

tay nghề cho người học, giúp 100% học viên sau khi kết thúc khóa học có thể vận dụng ngay vào thực tế trồng trọt, chăn nuôi. Bên cạnh đó, Trung tâm KNKN Kiên Giang đã không ngừng phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề, tất cả giảng viên đều tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề, kỹ năng dạy nghề nông thôn, xây dựng chương trình, thiết kế bài giảng điện tử... Có được kết quả như trên, ngoài lực lượng khuyến nông các cấp còn có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể từ công tác tuyên truyền, xác định nhu cầu nghề, tuyển sinh, xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý đào tạo.

Tuy nhiên, hiện nay Trung tâm cũng chỉ mới tập trung vào các nghề truyền thống như: Trồng lúa, kỹ thuật VAC, nuôi heo, nuôi gà, nuôi cá, tôm,... Trong thời gian tới căn cứ vào quy hoạch sản xuất nông nghiệp của tỉnh, từng địa phương Trung tâm sẽ

lựa chọn nội dung đào tạo nghề đa dạng, phong phú hơn. Vấn đề quan trọng để đào tạo nghề thành công là ngay từ khâu tuyển sinh cần phải tư vấn định hướng và giúp đỡ người học lựa chọn nghề phù hợp với trình độ, năng lực và điều kiện sản xuất của họ. Dạy nghề gắn với thời vụ, thời gian sinh trưởng từng cây, từng con để đào tạo, đồng thời gắn với nhu cầu lao động, ngành nghề từng địa phương, từng doanh nghiệp trên địa bàn nhằm tạo điều kiện cơ hội việc làm, bao tiêu sản phẩm đầu ra, tăng thu nhập cho người học sau học nghề.

Có thể thấy rằng hiện nay nhu cầu học nghề của lao động nông thôn là rất lớn, khát khao đơn giản của bà con là được học một nghề nông nghiệp phù hợp để có việc làm, tăng thu nhập. Trung tâm KNKN Kiên Giang xác định, muốn nâng cao hiệu quả đào tạo nghề thì các cơ sở đào tạo phải tăng cường chú trọng đến chất lượng; đào tạo phải gắn với địa chỉ đầu ra cho sản phẩm, có như vậy mới thu hút được nhiều lao động nông thôn tham gia học nghề.

Để đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực sự đi vào cuộc sống, đảm bảo được tính hiệu quả và bền vững lâu dài, chính quyền các cấp, các ban ngành cần tuyên truyền, quy hoạch, định hướng nghề đào tạo phù hợp với đặc thù phát triển sản xuất, điều kiện kinh tế của địa phương. Có cơ chế chính sách riêng cho những người sau học nghề để duy trì, phát triển nghề đã được học. Đặc biệt, cần có sự quan tâm đúng mức và vào cuộc có hiệu quả của các doanh nghiệp, công ty, nhà máy... trong việc hỗ trợ đào tạo, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho lao động sau khi học nghề ■

THU THỦY

Trung tâm KNKN Kiên Giang

GIÀU LÊN NHỜ CÓ KHUYẾN NÔNG

Anh Phan Văn Linh ở ấp Hai Vụ, xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông anh không thi vào đại học mà gắn bó với ruộng đồng, cây lúa tại vùng Đồng Tháp Mười đã 20 năm nay. Ý chí vươn lên thoát nghèo từ thời thanh niên đã giúp anh đã trở thành một nông dân sản xuất giỏi, một “Triệu phú vùng sâu”.

Kể sao hết những khó khăn, gian khó ngày đầu xung phong lên vùng Đồng Tháp Mười lập nghiệp. Được cấp một mẫu ruộng nhưng bị nhiễm phèn nặng, vụ lúa đầu vì chưa có kinh nghiệm cùng nhiều nguyên nhân khác nên bao nhiêu vốn liếng “đầu tư” hầu như mất trắng. Không nản chí, anh Linh tìm đến những lão nông trong vùng để học hỏi kinh nghiệm. Ngoài ra, anh còn thường đến các thư viện huyện để tìm đọc sách về kỹ thuật canh tác lúa trên đồng ruộng nhiễm phèn. May mắn cho anh Linh khi Trạm Khuyến nông huyện được thành lập, anh được các cán bộ Trạm trực tiếp đến truyền đạt kỹ thuật thâm canh và tư vấn đưa các giống mới, thích hợp với vùng đất nhiễm phèn vào gieo trồng, dần dần làm ruộng đã có lãi. Có tiền, anh Linh không sắm sửa, xây nhà mà anh dồn lại mua thêm ruộng đất, mở rộng sản xuất.

Đến nay, gia đình anh đã có trong tay 8 ha chuyên canh lúa giống. Toàn bộ sản lượng hàng năm được Công ty Giống cây trồng miền Nam bao tiêu với giá cao hơn bình thường 30% vì chất lượng tốt. Anh cùng Hội Nông dân kết hợp với Trạm Khuyến nông huyện mở nhiều cuộc hội thảo đầu bờ, thực hiện “3 giảm - 3 tăng”. Riêng anh còn được cử đi tập huấn kỹ thuật gieo cấy chuyên canh giống lúa mới OM4900 khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Nhờ chịu thương, chịu khó ham học hỏi lại được Trạm Khuyến nông góp sức, nên suất lúa của gia đình anh năm sau cao hơn năm trước (đạt từ 16 - 18 tấn/vụ), lợi nhuận ngày một tăng thêm. Có vốn, anh đầu tư các loại máy nông nghiệp nhằm giải phóng sức lao động, tiến tới làm ăn lớn. Hiện nay, ngoài các loại như: Máy cày, máy cấy, máy rải phân, máy phun thuốc bảo vệ thực vật... gia đình anh vừa đầu tư thêm máy gặt đập thể hệ mới phục vụ bà con trong vùng, giảm thiểu rủi ro và tăng chất lượng sản phẩm khi thu hoạch.

Ngôi nhà xây rộng 300 m² đầy đủ tiện nghi cùng đủ loại máy móc phục vụ nông nghiệp là minh chứng thành đạt của gia đình nông dân trẻ Phan Văn Linh. Bên cạnh đó, gia đình anh cũng đạt gia đình văn hóa tiêu biểu của địa phương, hàng năm tài trợ, đóng góp hàng chục triệu đồng cùng xã, ấp làm cầu đường và phục vụ các công tác xã hội khác. Các con của anh chị đều được ăn học, giáo dục tốt. Là nông dân trẻ vượt khó, thành đạt, anh Linh luôn giúp đỡ, phổ biến kinh nghiệm canh tác cho bà con để cùng làm giàu trên vùng quê mới.

Được hỏi về bí quyết để trở thành “Tỷ phú đồng bưng” anh bộc bạch chia sẻ: “Ngoài sự cần kiệm, ham học hỏi, quyết tâm vượt khó và đồng vợ, đồng chồng, gia đình tôi được như hôm nay cũng nhờ phần giúp đỡ của chính quyền địa phương, đặc biệt có sự tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác có hiệu quả của các cán bộ khuyến nông từ những buổi đầu. Tôi thực sự giàu lên nhờ có khuyến nông”... ■

NGỌC LỘC

Thành phố Tân An, tỉnh Long An

Nuôi lợn

THU HƠN 13 TỶ ĐỒNG/NĂM

Đó là anh nông dân Nguyễn Văn Tứ ở thôn Sơn Quả 1, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - một điển hình sản xuất kinh doanh giỏi tiêu biểu trong việc phát triển mô hình “Nuôi lợn trong nhà lạnh” và kinh doanh thức ăn chăn nuôi, mang lại nguồn thu nhập trên 13 tỷ đồng/năm.

Giữa buổi chiều tháng 5/2015, chúng tôi đến thăm mô hình chăn nuôi lợn của gia đình anh Tứ. Đó là 01 khu trang trại khép kín rộng hơn 3.000 m² nằm giữa cánh đồng lúa. Chỉ mới thoáng nhìn cũng đủ để chúng tôi thấy được quy mô, tính hiện đại của trang trại và không khỏi trầm trồ thán phục về “đầu óc” làm ăn của anh.

Giữa cái nắng như thiêu như đốt của mùa hè, nhưng bước khi vào trang trại là một thế giới hoàn toàn khác khiến chúng tôi rất bất ngờ... Một khu chăn nuôi lợn với hàng nghìn con nhưng không có một chút mùi hôi và khá mát mẻ. Khu chăn nuôi được thiết kế quy mô, khoa học, có khu lợn nái, lợn thương phẩm, lợn con... riêng biệt. Anh Tứ cho biết, để có mô hình phát triển kinh tế hiện đại, hiệu quả như hiện tại, gia đình anh đã phải trải qua một quá trình vô cùng gian nan vất vả.

Năm 2002, anh bắt đầu khởi nghiệp bằng việc nuôi 12 con lợn nái. Do chịu khó tìm tòi, học hỏi những kiến thức kinh nghiệm từ sách, báo,... đặc biệt từ những mô hình trong thực tế nên việc chăn nuôi bước đầu đã mang lại thành công. Với 12 con lợn nái sinh sản được 200 lợn con. Số lợn con đó gia đình không bán mà tiếp tục nuôi thành lợn thịt để xuất bán. Sau khi trừ chi phí, gia đình anh thu về trên 12 triệu tiền lãi. Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, được đồng tiền lãi nào anh đều đầu tư cho việc phát triển đàn lợn, mở rộng chuồng trại, xây các hạng mục phục vụ cho việc chăn nuôi.

Năm 2008, sau 6 năm làm việc miệt mài, gia đình anh đã có một trang trại chăn nuôi lợn nái và lợn thương phẩm vào hàng nhất nhì trong xã với đàn lợn nái lên 170 con lợn siêu nạc và hơn 1.500 con lợn thương phẩm, cung cấp cho thị trường hơn 2.000 con lợn giống/năm. Với quy mô trang trại lớn như vậy, để chủ động nguồn thức ăn cũng như tăng thu nhập của gia đình, anh đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, ký kết làm đại lý cấp 1 cho Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam. Đây chính là bước ngoặt giúp anh có sự thay đổi lớn trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào phát triển trang

trại. Trong quá trình làm đại lý cho Công ty, anh đã được tiếp cận, học hỏi mô hình chăn nuôi trong nhà lạnh của công ty, được các kỹ sư đầu ngành tư vấn, anh đã quyết định đầu tư 1,2 tỷ đồng xây dựng lại hệ thống trang trại.

Từ khi áp dụng mô hình chăn nuôi trong nhà lạnh, nhất là vào những ngày hè nắng nóng mới thấy hết ý nghĩa và hiệu quả; lợn lớn nhanh, ổn định, không mắc dịch bệnh, lợi nhuận thu về cao. Cho đến cuối năm 2014, trang trại gia đình anh có khoảng gần 200 con lợn nái, 10 lợn đực giống, gần 4.000 lợn thương phẩm và cung cấp số lượng lớn lợn giống cho thị trường. Năm 2014, lợi nhuận thu về từ kinh doanh thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi đạt 13,742 tỷ đồng.

Nhận thấy rõ tiềm năng phát triển của trang trại, đầu năm 2015, anh tiếp tục đầu tư mở rộng trang trại, bổ sung đàn lợn nái lên trên 400 con, tăng việc chăn nuôi lợn thương phẩm và cung cấp lợn giống ra thị trường ngày càng nhiều hơn.

Không chỉ phát triển kinh tế gia đình, trong những năm qua, anh còn phổ biến nhiều kinh nghiệm sản xuất cho bà con trong và ngoài huyện, tạo công ăn việc làm và giúp nhiều hộ nông dân có thu nhập ổn định. Bản thân gia đình anh đã nhận giúp đỡ, hỗ trợ cho 7 hộ nghèo tại địa phương thoát nghèo; mỗi năm hỗ trợ cho gần 200 nông dân có điều kiện kinh tế khó khăn mua chịu, không lấy lãi tiền con giống, thức ăn cho đàn lợn. Đồng thời, anh cũng luôn là người đi đầu trong các chương trình làm từ thiện và xây dựng ở địa phương như: Ủng hộ xây dựng nhà bia “Mẹ Việt Nam anh hùng”, quỹ vì người nghèo... Năm 2013, gia đình anh đã ủng hộ 150 triệu đồng để xây dựng đường giao thông của thôn xóm. Hàng năm, gia đình anh luôn được công nhận là gia đình văn hóa và được nhận nhiều giấy khen cao quý của Nhà nước.

Với thành tích đạt được trong phát triển kinh tế và đóng góp cho xã hội, gia đình anh Tứ là một trong những hộ sản xuất kinh doanh giỏi tiêu biểu điển hình của huyện Hiệp Hòa được vinh danh tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến giai đoạn 2010 - 2015 do Hội Nông dân tỉnh tổ chức trong tháng 5 vừa qua ■

BẢO TÚ QUYÊN

Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang

Vĩnh Long:

Mô hình canh đồng mẫu ngô nếp tại huyện Trà Ôn

Năm 2015, Trạm Khuyến nông Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục thực hiện dự án “Xây dựng mô hình canh đồng mẫu sản xuất cây màu luân canh trên nền đất lúa” với mục tiêu góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Đây là mô hình chuyển đổi đất lúa chuyên canh thích hợp sang các loại hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn như luân canh rau, màu trên nền đất lúa (cơ cấu 2 màu - 1 lúa, 1 màu - 2 lúa) phù hợp với sinh thái vùng và theo hướng phát triển bền vững.

Mô hình canh đồng mẫu trồng ngô nếp trên đất lúa chuyển đổi được triển khai với diện tích 20 ha, có 45 hộ tham gia. Sau thời gian thực hiện 2 tháng, các hộ tham gia mô hình rất phấn

khởi vì năng suất ngô cao hơn so với trước đây, giá bán tăng. Năng suất ngô trung bình trong mô hình đạt khoảng 13 tấn/ha, với giá bán 4.500 đồng/kg, thu được 58,5 triệu đồng/ha, sau khi trừ chi phí 19,5 triệu đồng/ha, thu lợi nhuận 39 triệu đồng/ha, cao hơn gấp 2 lần so với trồng lúa cùng vụ (đạt mục tiêu của dự án).

Điển hình như các hộ anh Nguyễn Văn Giảng, Nguyễn Văn Trường với diện tích trồng ngô 0,5 ha, năng suất 1,4 tấn/1.000 m², với giá bán 4.700 đồng/kg, sau khi trừ chi phí 1,9 triệu đồng/1.000 m² anh còn lãi gần 5 triệu đồng/1.000 m², đây là mức lợi nhuận khá cao so với trồng lúa.

Qua hai năm thực hiện, mô hình luân canh lúa - ngô khi triển

khai tại xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn đã chứng minh được hiệu quả. Kết quả của mô hình cho thấy, bà con nông dân tại địa phương hoàn toàn có thể trồng cây ngô thay thế cho 1 vụ lúa trong năm để đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Ngày nay, việc trồng luân canh cây màu trên nền đất lúa không còn xa lạ đối với bà con nông dân ở những vùng canh tác lúa 3 vụ. Thực tế những năm qua cho thấy, nông dân trồng cây màu, cây công nghiệp ngăn ngày luân canh trong ruộng lúa nhìn chung đều đem lại hiệu quả khá cao do vừa cắt đứt cầu nối dịch bệnh, vừa hạ giá thành sản xuất do chi phí thấp và lợi nhuận nhờ đó cũng cao hơn so với sản xuất lúa 3 vụ liên tục.

Tuy nhiên khi lựa chọn mô hình chuyển đổi, bà con phải xem xét điều kiện như nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật canh tác phải tốt hơn, cơ sở hạ tầng phải hoàn thiện hơn, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng khi thực hiện việc chuyển đổi. Nên lựa chọn cây trồng, mô hình chuyển đổi phù hợp với điều kiện ở địa phương. Không nên theo xu thế đại trà để tránh tình trạng “được mùa mất giá”. Đặc biệt, cần có sự phối hợp giữa nông dân với chính quyền địa phương và các cơ sở thu mua để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

NGUYỄN VĂN BÌNH

Trạm Khuyến nông Trà Ôn, Vĩnh Long





Với lòng quyết tâm và sự nhạy bén trong việc tiếp cận thị trường của ông chủ trang trại, đến nay thương hiệu trái cây của trang trại Quý Đông ở ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được bà con trong và ngoài tỉnh biết tới.

Quyết định rời quê hương để lập nghiệp ở mảnh đất Bình Phước, anh Dũng Quý Đông đã trải qua nhiều khó khăn vất vả để mưu sinh, dành dụm tiền mua vườn, rẫy để trồng điều và cao su nhằm cải thiện kinh tế gia đình. Thế nhưng, khi nhận thấy giá trị của cây ăn trái, anh Đông lại đột ngột quyết định chuyển đổi 20 ha cao su, điều đang cho thu hoạch sang trồng cây ăn trái khiến không ít người ngạc nhiên.

Anh Đông chia sẻ, tuy sở hữu diện tích điều, cao su đang cho thu hoạch hứa hẹn mang lại nguồn lợi khá nhưng so với sự phì nhiêu của vùng đất đỏ và công sức lao động bỏ ra, anh thấy lợi nhuận đó chưa tương xứng. Anh bắt đầu tìm hiểu thị trường, nhu cầu của người tiêu dùng và lợi thế về đất đai khí hậu của địa phương. Nhận thấy thị trường trái cây rất có tiềm năng, nhu cầu lớn trong khi tại địa phương các mô hình sản xuất trái cây còn nhỏ lẻ không đủ cung cấp cho thị trường, nhất là các loại trái cây sạch, đảm bảo chất lượng.

Năm 2005, anh chọn sầu riêng, quýt đường, bơ làm cây trồng chủ lực. Tuy nhiên, do giống không phù hợp nên cây bơ không đạt năng suất và chất lượng. Đến năm 2010, sau khi tìm hiểu về năng suất và chất lượng cũng như giá trị của các loại cây ăn trái, anh lại lựa chọn cao su để trồng thêm sầu riêng, bơ và mít Thái. Hiện trang trại của anh có 10 ha sầu riêng, 5 ha quýt đường, 3 ha mít, 2 ha bơ. Ngay từ đầu, anh Đông đã xác định sản xuất trái cây sạch, đảm bảo chất lượng. Từ việc nhỏ, cắt cỏ cũng hoàn toàn thủ công, không sử dụng đến thuốc bảo vệ thực vật nên nền đất mặt giữ được độ ẩm, tơi xốp, bảo tồn được các loại thiên địch, chống xói mòn, rửa trôi. Đất trên trang trại là đất đỏ, có độ thoát nước tốt, tránh ngập úng, hạn chế được nhiều mầm mống bệnh hại. Trên diện tích 20 ha, mỗi gốc cây đều được chăm sóc kỹ lưỡng nên các cây trồng đều xanh tốt, không thấy biểu hiện của bệnh hại. Các hàng cây đều tăm tắp và được chia theo từng nhóm cây, mỗi loại cây lại được chia thành từng khu vực để sản xuất theo mùa vụ để trái cây có thể xuất kho gối đầu quanh năm nhằm cung cấp cho thị trường.

Thời gian đầu khi trái cây của trang trại tiếp cận thị trường cũng gặp không ít khó khăn nhưng

dần dần thương hiệu trái cây Quý Đông được định hình, mọi người đã tin dùng trái cây của trang trại. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường anh còn liên kết với các nhà nông khác để bao tiêu sản phẩm.

Năm 2014 trang trại đã được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đối các loại trái cây sầu riêng, bơ, mít, quýt đường trên diện tích 20 ha. Đây là trang trại trái cây đầu tiên của tỉnh đạt tiêu chuẩn VietGAP. Trái cây của trang trại chủ yếu cung cấp cho hệ thống siêu thị Coop Mart và Công ty Aeon Việt Nam. Theo anh Đông, lợi nhuận mỗi héc-ta cây ăn trái VietGAP cao hơn hẳn so với trồng cao su, điều và cao hơn so với trái cây thông thường là 10%. Trong đó, lợi nhuận của quýt đường là 560 - 700 triệu đồng/ha, sầu riêng là 400 - 500 triệu đồng/ha, mít Thái là 200 - 300 triệu đồng/ha và bơ là 620 triệu đồng/ha.

Để có được thành quả trên anh đã hàng ngày gắn bó và tận tâm với mảnh đất này. Với mục tiêu hướng vào chất lượng sản phẩm, trang trại Quý Đông là một địa chỉ để nhà nông có thể học hỏi về phương thức sản xuất, kỹ thuật chăm sóc để trái cây có chất lượng cao, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. ■

VŨ HƯƠNG

Trung tâm KNKN Bình Phước

Bắc Ninh:

NGƯỜI NÔNG DÂN NGĂN SÔNG LÀM GIÀU

Về thôn Đồng Lâm - xã Quỳnh Phú - huyện Gia Bình - tỉnh Bắc Ninh nhìn 4 phía đâu đâu cũng thấy các mô hình trang trại ngút ngàn màu xanh cây trái, sự trù phú của một vùng quê đang hiện rõ nơi đây. Trong số đó nổi bật nhất là trang trại khang trang với những ao nuôi cá, nuôi lợn của gia đình ông Nguyễn Xuân Thu.

Ông Nguyễn Xuân Thu năm nay 58 tuổi, sau gần 20 năm gắn bó với mô hình VAC ông trở thành một tấm gương tiêu biểu cho những người nông dân vươn lên làm giàu từ đồng ruộng. Nhiều năm liền ông được vinh danh là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh, đạt Chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 2012, danh hiệu Nông dân Việt Nam xuất sắc năm 2013. Trong năm 2015 này, ông vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3.

Ông Thu cho biết, để có được cơ ngơi như ngày hôm nay mỗi thành viên trong gia đình ông đều rất nỗ lực, mất nhiều công sức để biến những vũng, đầm thành ao thả cá và chuồng nuôi. Năm 1981, sau khi hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, ông trở về quê hương. Thôn Đồng Lâm quê ông là một vùng chiêm trũng, kinh tế thuần nông, mỗi năm cấy 1 vụ lúa năng suất kém, đời sống gặp rất nhiều khó khăn, nhà lại đông con, gánh nặng kinh tế luôn đè nặng, là nỗi trăn trở canh cánh bên lòng. Năm 1996 ông quyết định đầu thầu hơn 2 ha đoạn sông cũ của địa phương, quây bờ thành ao để nuôi thả cá. Chỗ sâu thì trồng sen, nuôi cá; chỗ nông cấy lúa, dần dần từng bước, lấy ngắn nuôi dài.

Thời kỳ đầu, gia đình ông gặp muôn vàn khó khăn do thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, dịch bệnh

xảy ra. Điển hình như dịch lợn tai xanh năm 2009 với hơn 200 con lợn thương phẩm, lợn nái mắc bệnh phải tiêu hủy khiến trang trại của ông thiệt hại nặng nề. Khó khăn chồng chất khó khăn, đã có lúc ông định bỏ dở, nhưng ông quyết tâm làm lại bằng được. Từ đó, ông dành nhiều thời gian để đi các nơi học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận nhiều nguồn thông tin để trang bị kiến thức, nắm bắt công nghệ mới, áp dụng vào sản xuất chăn nuôi ở trang trại của mình. Qua nghiên cứu kỹ các mô hình đã đi thăm, ông quyết định bố trí lại trang trại theo quy trình khép kín, tự sản xuất con giống, nuôi lớn và xuất ra thị trường. Đồng thời làm tốt khâu vệ sinh phòng bệnh, chăn nuôi bảo đảm khoa học, vệ sinh môi trường để trang trại hoạt động hiệu quả tốt mà không có dịch bệnh xảy ra.

Sau gần 20 năm vất vả tạo dựng đến nay trang trại gia đình ông sản xuất ổn định, với khoảng 200 đầu lợn thịt, hàng chục lợn nái; 6 ao cá, trong đó có 3 ao chuyên cá giống, còn lại là nuôi cá thịt và xung quanh bờ trồng các loại cây ăn quả. Ông Nguyễn Xuân Thu chia sẻ, năm 2005, thông qua lớp tập huấn khuyến nông giới thiệu về kỹ thuật chăn nuôi lợn rừng, ông đã lên tận Thái Nguyên, Hòa Bình học hỏi những kinh nghiệm thực tế về cách nuôi, xây dựng chuồng và mua 5 con lợn rừng về nuôi thử, gồm 01 con đực và 4 con nái. Từ số lợn nái sinh sản đó đến nay trang trại của ông đã có hàng chục lợn rừng thương phẩm/lứa, mở ra một hướng đi mới trong chăn nuôi, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trung bình mỗi năm ông xuất bán 20 tấn lợn thương phẩm, hơn 10 tấn cá, thu lãi hàng trăm triệu đồng.

Không chỉ là tấm gương điển hình trong vượt khó làm giàu được mọi người nể phục, ông Thu còn nhiệt tình giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến kỹ thuật sản xuất chăn nuôi, giúp gia đình các hội viên nông dân trong, ngoài xã cùng phát triển kinh tế. Hiện nay, ông còn được nhân dân trong thôn tín nhiệm bầu làm Trưởng thôn. Ở cương vị nào ông cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ, được đồng đội, đồng chí, nhân dân tin tưởng, mến phục. Ông Nguyễn Xuân Thu là tấm gương sáng giúp bà con nông dân mạnh dạn làm theo thoát nghèo trên chính mảnh đất quê hương mình. ■

LÊ HÀ

Đài PT Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh



Ông Nguyễn Xuân Thu chăm sóc đàn cá của gia đình

Chỉ đạo sản xuất lúa thu đông 2015 TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Năm 2015, theo kế hoạch sản xuất lúa thu đông đã được xác lập tại các tỉnh, thành khoảng 886 ngàn ha, tăng khoảng 70 ngàn ha so năm 2014 và là diện tích gieo trồng lúa thu đông lớn nhất từ trước đến nay tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Hiện nay đang vào đầu thời kỳ lũ ở vùng ĐBSCL và diễn biến các hình thái gây mưa như gió mùa Tây Nam, các trận bão ở biển Đông rất phức tạp và ảnh hưởng trực tiếp diễn biến mực nước sông Mê Kong khu vực ĐBSCL. Lúa thu đông trong toàn vùng đã xuống giống đạt khoảng 550.000 ha/886.000 ha (chiếm 62% kế hoạch). Diện tích còn lại vẫn đang tiếp tục xuống giống, dự kiến khoảng cuối tháng 8 và nửa đầu tháng 9 sẽ kết thúc xuống giống lúa thu đông trong toàn vùng.

Để sản xuất lúa thu đông 2015 được an toàn, ngày 18/8/2015, Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 33/CV-BPPN gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL về việc tập trung chỉ đạo sản xuất lúa thu đông 2015 tại ĐBSCL.

Cục Trồng trọt đề nghị các Sở Nông nghiệp và PTNT trong vùng tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, tập trung vào một số nội dung sau:

- Theo dõi diễn biến của lũ, tăng cường kiểm soát tình hình thu hoạch lúa hè thu, xuống giống lúa vụ thu đông hiện vẫn còn đang gặp nhiều bất thường có thể xảy ra. Rà soát lại toàn bộ hệ thống đê bao trong vùng sản xuất lúa thu đông đảm bảo an toàn cho sản xuất lúa. Một số vùng chưa hoàn chỉnh về hệ thống thủy lợi, sản xuất bắp bệnh sẽ có nguy cơ bị thiệt hại do những bất thường của thời tiết, khí tượng thủy văn; nhất là vùng ảnh hưởng lũ vào cuối vụ.

- Khi bố trí thời vụ cho lúa thu đông cần lưu ý đến thời điểm xuống giống chính vụ lúa đông xuân tiếp theo, căn cứ vào thời điểm xuống giống hàng năm, tình hình thủy văn và dự báo khả năng di trú của rầy nâu, lúa đông xuân chính vụ xuống giống vào 2 thời điểm chính:

+ Từ 20 - 30/11: Diện tích xuống giống ước tính 600.000 ha.



Các tỉnh trong vùng chú ý tăng cường kiểm soát tình hình thu hoạch lúa hè thu

+ Từ 20 - 30/12: Diện tích xuống giống ước tính 600.000 ha.

Để đảm bảo an toàn cho đợt xuống giống lúa tháng 11 - 12, khung thời vụ chung đề nghị trong toàn vùng: kết thúc xuống giống lúa thu đông vào ngày 30/8, tối đa là 15/9.

- Từ vụ hè thu sang thu đông nên có thời gian giãn cách và làm đất, vệ sinh đồng ruộng thật tốt, tiêu hủy nguồn bệnh, hạn chế ngộ độc hữu cơ, hạn chế để lúa chết như những năm trước đây.

- Sử dụng những giống lúa cho vụ thu đông cần lưu ý về tính chống chịu với rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, bệnh cháy lá và nhất là độ cứng cây để hạn chế đổ ngã. Cơ cấu từ 2 - 3 giống chất lượng, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để giảm lượng giống gieo sạ, giảm chi phí sản xuất. Giống chủ lực cho vụ thu đông 2015 gồm: OM 5451, OM 4900, OM 7347, OM 6976, OM 2517, Jasmine 85.

- Diện tích lúa thu đông có thể mở rộng ở một số tỉnh ven sông Tiền, sông Hậu gồm: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Long An, ở những vùng có đê bao vững chắc, không bị tác động tiêu cực của lũ vào lúc cao điểm.

Cần thường xuyên theo dõi những diễn biến bất thường và chủ động đề xuất các giải pháp đảm bảo sản xuất lúa thu đông trong điều kiện mưa bão ■

CỤC TRỒNG TRỌT

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2015 CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Vụ đông năm 2015 được dự báo là vụ đông lạnh, thời tiết sẽ có nhiều biến động bất thường, để đạt mục tiêu tổng diện tích gieo trồng toàn miền Bắc khoảng 430 - 440 nghìn héc-ta (tăng 10 - 20 nghìn héc-ta so với vụ đông 2014), giá trị sản xuất đạt khoảng 23 - 25 nghìn tỷ đồng (giá tại thời điểm), giải pháp đặt ra cho các tỉnh phía Bắc là tập trung quyết liệt trong công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành; bố trí thời vụ gieo trồng và cơ cấu giống hợp lý...

Ngày 19/8/2015, tại Hội nghị Đánh giá kết quả sản xuất vụ đông 2014 và kế hoạch triển khai vụ đông 2015 các tỉnh phía Bắc diễn ra tại tỉnh Vĩnh Phúc, Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đưa ra Kế hoạch sản xuất vụ đông 2015 các tỉnh phía Bắc, nội dung cụ thể như sau:

1. Định hướng phát triển vụ đông 2015

- Phát triển vụ đông 2015 với tinh thần tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Chỉ đạo phát triển vụ đông như một vụ chính, quan trọng và là một mắt xích cốt lõi trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt là phát triển vụ đông trên đất lúa.

- Nhóm cây chủ lực: ngô, đậu tương, khoai lang, khoai tây, rau đậu các loại. Trong đó, cây ngô phải được xem như cây chủ lực ở nhóm cây vụ đông ưa ấm.

- Tiếp tục đa dạng hóa các nhóm cây khác trong vụ đông, rải vụ và đẩy mạnh ứng dụng các đối tượng mới trong vụ đông có thị trường tiêu thụ như dưa chuột bao tử, ớt, bí xanh, bí ngô, khoai tây chế biến và các loại nấm ăn, nấm dược liệu, coi nấm như một loại cây trồng ở vụ đông.

- Bố trí hợp lý cơ cấu nhóm cây ưa ấm, ưa lạnh và các cây có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

- Phát triển các vùng rau đậu tập trung cho tiêu thụ trong nước gồm cả rau vụ đông, tăng cường ứng dụng GAP cơ bản, VietGAP trong sản xuất rau an toàn.

2. Các giải pháp kỹ thuật

Một số vấn đề cơ bản về kỹ thuật cần chú ý như sau:

a) Làm đất

Thực hiện tốt kỹ thuật làm đất tối thiểu, không làm đất nhất là đối với diện tích trên đất 2 lúa; một số cây để tranh thủ thời vụ cần rẽ lúa bóc mô đặt bầu, hoàn thiện luống sau.

b) Bố trí thời vụ gieo trồng và cơ cấu giống

Với nhóm cây ưa ấm, thời vụ gieo trồng kết thúc trước 10/10; với nhóm cây ưa lạnh gieo trồng sau



Bố trí diện tích trồng hoa ở các tỉnh ĐBSH và các vùng tiểu khí hậu ôn đới

10/10, riêng với cây khoai tây tập trung trồng từ 25/10 đến 15/11. Bố trí rải vụ rau phù hợp để đảm bảo nguồn cung, hạn chế tình trạng dư thừa giá thấp hoặc thiếu rau đẩy giá lên cao.

Đối với nhóm cây ưa ấm như ngô, khoai lang, cà chua, dưa hấu, dưa chuột, bầu bí, đậu tương cần lựa chọn giống có thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp và áp dụng giải pháp kỹ thuật làm bầu, ươm cây con để đảm bảo thời vụ. Chăm sóc ngay từ sớm không để cây con còi cọc chậm sinh trưởng.

* Cây ngô:

Trà sớm gieo trước 20/9, trên các chân đất chuyên màu (bãi ven sông, cát ven biển, đồi vệ, đất lúa chuyển sang làm màu), đất 2 lúa (vụ hè thu và mùa sớm); trà trung gieo trước 30/9, trên chân đất 2 lúa (mùa sớm và mùa trung); trà muộn gieo trước 5/10, trên đất 2 lúa (mùa trung) tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc. Đối với ngô nếp, ngô đường, ngô rau thời gian sinh trưởng ngắn, sử dụng bắp tươi là chính nên thời vụ gieo trồng có thể muộn hơn đến 15 - 20/10.

Trên đất 2 lúa cần áp dụng làm ngô bầu, chăm sóc tốt bầu ngô trước khi đặt bầu; ở những vùng chủ động tưới, tiêu hoặc đối với ngô nếp, ngô đường trồng muộn hơn cần áp dụng kỹ thuật làm đất tối thiểu, kỹ thuật gieo thẳng hạt hoặc đặt bầu xuống gốc rạ, tăng mật độ ngô: 6 - 7 vạn cây/ha đối với đất màu và trên 5 - 6 vạn cây/ha đối với đất

2 lúa; bón phân sớm, đủ lượng và cân đối, phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

Giống ngô: Cơ cấu, chủng loại giống khá phong phú cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất như: LVN4, LVN111, LVN102, CP501, CP555, các giống ngô lai đơn, ngô chuyển gen đã được công nhận... Mở rộng diện tích gieo trồng các giống ngô nếp lai mới, năng suất cao, chất lượng tốt như: MX4, MX6, MX10, HN68, ADI600; ngô đường Sugar 75, Sugar 77, Golden Sweet 93, SW1011...

* Cây đậu tương:

Kết thúc gieo đậu tương trước ngày 5/10; trong sản xuất đậu tương đông trên đất 2 lúa, triệt để thực hiện phương châm “gặt đến đâu, trồng đậu tương đến đó; trồng càng sớm, năng suất càng cao”. Áp dụng rộng rãi làm đất tối thiểu, gieo thẳng, gieo bằng máy, gieo vào gốc rạ, làm rãnh thoát nước đối với trồng đậu tương đông trên đất 2 lúa.

Trà sớm và chính vụ gieo trước 20/9, điều kiện thời tiết thuận lợi sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng trung bình (85 - 95 ngày) như: ĐVN 5, ĐVN 6, DT84, DT2001, ĐT12, ĐT 22, ĐT 26, Đ96-02, Đ9804; trà muộn gieo trước 10/10 sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày (< 85 ngày) như: ĐT12, Đ8, ĐVN9, AK06.

* Cây khoai lang:

Khoai lang là cây yêu cầu thời vụ nghiêm ngặt nên trồng càng sớm càng tốt, thời vụ trồng kết thúc trước 10/10. Sử dụng các giống KL2, KL5, Chiêm dâu, Hoàng Long, 143, VX-37, KLC3..., các giống khoai lang Nhật, Trung Quốc chất lượng cao đã được trồng thử nghiệm cho kết quả tốt... Các địa phương cần chuẩn bị tốt và đầy đủ nguồn giống cung ứng cho sản xuất, tập trung hướng dẫn thời vụ và quy trình kỹ thuật kịp thời cho nông dân.

* Cây lạc:

Lạc là cây trồng ưa ẩm, nên trồng càng sớm năng suất càng cao, vì vậy cần chủ động thu hoạch lúa mùa sớm đảm bảo nhanh, gọn để giải phóng đất sớm trồng lạc ngay cho kịp thời vụ, kết thúc trồng trước ngày 25/9; nếu kết hợp với mục tiêu nhân giống cho vụ lạc xuân 2016 cần chủ động bố trí đất để kết thúc gieo trồng trước 15/9.

Sử dụng các giống lạc có năng suất cao như L14, L18, L16, L8, MD7, L23, MD9, TB25, Trạm dầu 207,... Hướng dẫn nông dân gieo trồng bằng phương pháp che phủ rơm rạ để hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, giữ ẩm góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

* Cây bí xanh, bí ngô, dưa chuột, ớt:

Cần áp dụng kỹ thuật làm bầu (bí, dưa chuột), ươm cây con (ớt) và chăm sóc cây con tốt. Đối với bầu bí, dưa chuột nên áp dụng kỹ thuật trồng gối

bằng cách rạch lúa để đặt bầu trước khi thu hoạch lúa. Các giống bí xanh: bí xanh số 1, bí xanh Đài Loan, bí đao chanh,... giống bí đỏ: F1-125, F1 979, bí đỏ Nhật Bản, bí đỏ Cô Tiên,... Hướng dẫn nông dân sản xuất an toàn theo VietGAP.

Đối với nhóm cây ưa lạnh:

* Khoai lang:

Thời vụ tập trung từ 15/10 - 20/11, tốt nhất từ 25/10 - 15/11, không nên trồng muộn vì thiếu ánh sáng, nhiệt độ quá thấp, ẩm mưa phùn làm bệnh hại phát triển, tích lũy về củ mạnh, làm ảnh hưởng đến năng suất.

Sử dụng các giống khoai tây chủ lực Diamant, Sinora, Solara, PO3, Atlantic, Eben, Marabel, Esprit, Aladin...

* Rau ăn lá và đậu rau:

Để đạt được mục tiêu sản xuất rau đậu theo kế hoạch cần tập trung vào các giải pháp sau:

+ Nên tận dụng tối đa điều kiện đất đai, nhân lực, mở rộng tối đa diện tích gieo trồng, hướng dẫn nông dân trồng rải vụ để tránh hiện tượng khủng hoảng thừa lúc chính vụ làm rớt giá, giảm hiệu quả kinh tế.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sản xuất rau an toàn theo VietGAP. Đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ rau an toàn, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ổn định, tăng hiệu quả kinh tế.

+ Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như sản xuất rau áp dụng công nghệ cao trong nhà màng, nhà lưới; làm bầu, gieo gối vụ đối với bầu bí; trồng cà chua, dưa hấu bằng cây giống ghép; tăng cường sử dụng phân hữu cơ sinh học, phân bón qua lá; tưới nước tiết kiệm, sử dụng màng phủ nông nghiệp trong trồng rau, dưa, lạc...

* Cây hoa:

Bố trí diện tích trồng ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng và các vùng tiểu khí hậu ôn đới thuận lợi cho trồng hoa. Các địa phương trồng hoa cần nhanh chóng chuyển giao một số giống hoa mới được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận như: hoa cẩm chướng Hồng ngọc, cẩm chướng Hồng hạc, lan Hồ điệp Ban mai hồng, lan Hồ điệp Tiểu kiều tím, Tiểu hồng môn HMC-01, HMC-04,... để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế.

* Nấm ăn và nấm dược liệu:

Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu, diện tích lát trại sẵn có và nguồn nhân lực dư thừa trong nông thôn để phát triển và sản xuất các loại nấm ăn, nấm dược liệu phục vụ nhu cầu tiêu dùng và nâng cao thu nhập cho nông dân ■

CỤC TRỒNG TRỌT

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VỊT BIỂN

(Kỳ 2 - Tiếp theo và hết)

5. Chăm sóc nuôi dưỡng

Phải tuân thủ quy trình chăm sóc nuôi dưỡng nghiêm ngặt theo từng giai đoạn phát triển của vịt. Đối với vịt nuôi sinh sản có 3 giai đoạn: Giai đoạn con, giai đoạn hậu bị và giai đoạn sinh sản, trước giai đoạn sinh sản có 2 tuần dự phòng.

Thực hiện quy trình cùng vào, cùng ra đối với một trại hoặc theo dãy chuồng nuôi hoặc ô chuồng. Trong một dãy, ô chuồng nuôi chỉ nên nuôi một loại vịt cùng lứa tuổi, không nên chênh lệch quá 1 tuần tuổi.

5.1. Giai đoạn nuôi vịt con (từ 1 - 56 ngày tuổi)

Giai đoạn 1: Từ 0 - 3 tuần tuổi: Giai đoạn úm.

Giai đoạn 2: Từ 4 - 8 tuần tuổi.

* Nhiệt độ chuồng nuôi:

Trước khi đưa vịt vào chuồng nuôi phải sưởi ấm chuồng nuôi, đảm bảo không có gió lùa. Sử dụng bóng điện, chụp sưởi để sưởi ấm cho vịt. Trung bình cứ 200W cho 75 con vịt và 140 con vịt cần 1 chụp sưởi. Ở những nơi không có điện cần sưởi ấm bằng đèn toạ đẳng, nước nóng, bếp trấu, bếp than nhưng không để khói và khí than vào chuồng úm.

Nhiệt độ chuồng nuôi khi vịt 1 - 3 ngày tuổi phải đạt 28 - 32°C, từ ngày tuổi thứ 4 trở đi mỗi ngày giảm 1°C cho tới khi đạt 25°C.

Nhiệt độ chuồng nuôi được đo ở trên đầu vịt, mỗi quây vịt con từ 50 - 100 con là phù hợp. Khi vịt con đi lại bình thường và tản đều trong quây hoặc trong chuồng là nhiệt độ chuồng nuôi đảm bảo. Khi vịt tản ra xa nguồn nhiệt, há mỏ thở nhiều chứng tỏ nhiệt độ trong chuồng quá cao. Khi vịt con tùm tùm lại dưới nguồn nhiệt chổng đống lên nhau thì khi

đó nhiệt độ chuồng nuôi quá thấp. Khi vịt con nằm chụm lại một chỗ về một phía quây hoặc một phía chuồng là biểu hiện chuồng nuôi bị gió lùa.

* Ẩm độ không khí:

Ẩm độ thích hợp cho vịt con là 60 - 70%, nếu độ ẩm cao, nền chuồng ướt sẽ làm cho vịt con dễ nhiễm bệnh. Khi ẩm độ cao, thời tiết nóng, trời nồm, cần phải giãn vịt để nuôi mật độ thưa đồng thời cần phải đảo chất độn chuồng và cho thêm chất độn chuồng khô hàng ngày để giữ vịt ẩm chân và sạch lông.

* Chế độ chiếu sáng cho vịt:

Từ tuần thứ 1 đến tuần thứ 2 tắt sáng cả ngày đêm cho vịt, sau đó là 16 - 18 giờ/ngày, ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Ở những nơi không có điện cần tắt sáng bằng đèn dầu để đảm bảo đủ ánh sáng cho vịt, ngăn đi lại ăn.

* Thông thoáng:

Lượng không khí cung cấp phụ thuộc vào độ ẩm và quyết định bởi chất độn chuồng. Lượng không khí trao đổi phải đảm bảo sạch. Trong giai đoạn vịt con 1 - 14 ngày tuổi hạn chế gió thổi mạnh vào chuồng nuôi.

* Cung cấp nước uống:

Vịt cần rất nhiều nước uống, đảm bảo nước phải sạch và thay máng uống thường xuyên.

Lưu ý vịt ở tuần tuổi thứ nhất không cho uống nước lạnh dưới 10°C, tuần tuổi thứ 2 và 3 không cho uống nước lạnh dưới 6°C và hạn chế vịt uống nước trên 25°C. Nhu cầu nước uống trung bình:

1 - 7 ngày tuổi: 120 ml/con/ngày; 8 - 14 ngày tuổi: 250 ml/con/ngày; 15 - 28 ngày tuổi: 350 ml/con/ngày.

5 - 8 tuần tuổi: 0,4 - 0,6 lít/con/ngày. Ở giai đoạn này vị trí máng ăn để trong chuồng nuôi, máng uống ở sân chơi để tránh bị ướt chuồng. Máng uống nước không để quá xa nơi vịt ăn.

* Chăm sóc và nuôi dưỡng:

Sau khi nở, vịt con khô lông cần cho ăn uống càng sớm càng tốt, nếu cho ăn uống muộn thì vịt dễ bị khô chân dẫn đến cứng hàm, tỷ lệ hao hụt tuần đầu rất cao hoặc ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh trưởng và phát triển của vịt.



Giai đoạn vịt từ 1 - 21 ngày tuổi: Dùng thức ăn hỗn hợp dạng viên hoặc gạo nấu thành cơm và trộn với thức ăn giàu đạm cho vịt ăn, sau 2 tuần có thể cho vịt ăn thóc luộc, tấm, ngô, gạo lật, thóc, đỗ tương, khô đỗ tương, cám gạo, bột cá nhạt, bột máu, bột đầu tôm, premix vitamin, khoáng, hoặc trộn một trong những loại thức ăn trên với tôm, tép, cua, ốc, giun đất, don, dất, rạm, bọ đồ... và các loại côn trùng khác. Ở tất cả các giai đoạn nuôi vịt nên sử dụng thức ăn dạng viên hoặc hạt để tránh lãng phí.

Không nên sử dụng khô dầu lạc trong khẩu phần ăn của vịt vì dễ bị nhiễm nấm mốc sinh độc tố Aflatoxin, riêng ngô khi sử dụng cho vịt cần phải kiểm tra kỹ vì ngô thường bị mốc. Nên sử dụng các loại thức ăn sẵn có ở địa phương cho vịt ăn sẽ hạ giá thành sản xuất, kể cả các loại phụ phẩm như cám, bã bia, bã rượu, bã đậu... Có thể nấu chín thức ăn để tăng khả năng tiêu hoá của vịt.

Trước khi cho vịt ăn phải dọn sạch máng, quét bỏ những thức ăn thừa, hôi, thối và mốc, cho vịt ăn nhiều lần trong ngày để tránh rơi vãi và ôi chua. Tách những con nhỏ cho ăn riêng.

Đối với vịt nuôi sinh sản thì phải cho ăn theo định lượng, theo bữa: 4 tuần đầu cho ăn 4 bữa/ngày, từ 5 - 8 tuần cho ăn 2 bữa/ngày, sau đó chỉ cho ăn một lần hết lượng thức ăn trong ngày để tất cả đều có thể được ăn lượng thức ăn theo tiêu chuẩn, như vậy độ đồng đều của đàn sẽ cao hơn (Khối lượng cơ thể đến 4 tuần tuổi phù hợp là: 0,4 - 0,5 kg/con).

Hàng ngày phải bổ sung chất độn chuồng cho vịt bằng trấu, phoi bào, cỏ khô, rơm rạ. Theo dõi sức khoẻ của đàn vịt, cần phải loại ra khỏi đàn những con ốm yếu và kém ăn để có biện pháp xử lý kịp thời.

Vịt nuôi giống để sinh sản, nuôi hết 8 tuần tuổi thì tiến hành chọn để chuyển vào giai đoạn nuôi hậu bị. Khi chọn vịt căn cứ vào một số yếu tố sau:

+ Ngoại hình: Màu lông đặc trưng của giống, nhanh nhẹn, ngoại hình cân đối, chân thẳng, đuôi không vẹo, không gù lưng, mình thon, đầu nhỏ, cổ dài, thân hình tạo với mặt đất một góc càng lớn càng tốt.

+ Khối lượng cơ thể: 0,7 - 0,8 kg/con.

Không nên nuôi những con có khối lượng cơ thể lớn hơn hoặc nhỏ vì sau này sẽ cho năng suất thấp.

Tỷ lệ ghép đực, mái cho các đàn giống (gồm cả con đực dự phòng): 1/7 - 1/9. Tỷ lệ này còn phụ thuộc vào quy mô đàn nuôi, nếu nuôi đàn số lượng lớn thì tỷ lệ ghép đực, mái cao, nếu nuôi đàn số lượng ít thì tỷ lệ ghép đực/mái thấp.

Chú ý: Kiểm tra sức khỏe đàn vịt hàng ngày: Những vịt ốm yếu cần loại ngay ra khỏi đàn. Khi đàn

vịt giảm ăn, giảm uống, màu phân thay đổi phải báo ngay cho cán bộ thú y.

5.2. Giai đoạn nuôi vịt hậu bị (giai đoạn 9 tuần tuổi đến khi bắt đầu đẻ: 9 - 15 tuần)

Trong giai đoạn này vịt phát triển dưới điều kiện khí hậu tự nhiên nhưng phải lưu ý khi vịt thay lông rất mẫn cảm với nhiệt độ thấp và mưa.

* Ánh sáng và chế độ chiếu sáng:

Giai đoạn từ 9 tuần đến trước khi vịt đẻ 5 tuần sử dụng ánh sáng tự nhiên. Sau đó tăng dần thời gian chiếu sáng cho vịt như sau:

Trước khi đẻ 4 - 5 tuần, chiếu sáng 12 giờ/ngày. Sau đó mỗi tuần tăng 1 giờ cho tới khi đạt mức thời gian chiếu sáng 16 - 18 giờ/ngày.

* Cung cấp nước:

Vịt hậu bị cần nước để uống nếu nuôi nhốt trên khô hoặc nuôi khô trên vườn thì cần phải cung cấp nước uống cho đủ, thường xuyên, sạch sẽ. Nhu cầu nước uống cho vịt mỗi ngày cho mỗi con cần từ 0,5 - 0,6 lít/con.

* Chăm sóc nuôi dưỡng:

Cho vịt ăn hạn chế cả về số lượng và chất lượng chỉ cho 1 lần hết lượng thức ăn cả ngày, cho ăn sao cho tất cả vịt trong đàn đều được ăn giống nhau. Độ đồng đều càng cao về khối lượng vịt trong đàn thì sau này năng suất sinh sản càng cao. Nếu cho vịt ăn thêm rau xanh thì ăn sau khi cho ăn thức ăn tinh.

Để đảm bảo vịt có độ đồng đều cao về khối lượng cần định kỳ kiểm tra khối lượng, cân để điều chỉnh thức ăn phù hợp với chuẩn của giống.

Những con vịt quá to hoặc quá nhỏ nên nhốt riêng và cho ăn riêng.

Khối lượng vịt trong giai đoạn hậu bị:

Tuần tuổi	Khối lượng (kg/con)
10	1,7 - 1,9
12	2,0 - 2,2
14	2,2 - 2,3
16	2,3 - 2,4
18	2,4 - 2,5
Vào đẻ	2,5 - 2,7

Trước khi kết thúc giai đoạn hậu bị 2 tuần, tiến hành chọn lọc thông qua ngoại hình và tiêu chuẩn khối lượng chọn tương tự giai đoạn kết thúc 8 tuần tuổi, chỉ đưa những con đạt tiêu chuẩn giống vào sinh sản.



Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, kiểm tra sức khỏe đàn giống hàng ngày

Khi chọn để lại tỷ lệ đực/mái phụ thuộc vào điều kiện nuôi:

Nuôi quần thể nhỏ để tỷ lệ đực mái là 1/5 - 1/6.

Nuôi quần thể lớn để tỷ lệ đực mái là 1/6 - 1/7.

Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống cho vịt và kiểm tra sức khỏe đàn giống hàng ngày để kịp thời báo ngay cho cán bộ thú y xử lý những biểu hiện khác thường.

5.3. Giai đoạn sinh sản

* Điều kiện khí hậu:

Nhiệt độ thích hợp nhất đối với vịt đẻ là 16 - 24°C và ẩm độ là 60 - 70%. Chuồng nuôi và ổ đẻ phải luôn khô ráo và sạch sẽ.

* Ánh sáng và chế độ chiếu sáng:

Trong suốt giai đoạn vịt đẻ cần thời gian chiếu sáng mỗi ngày 16 - 18 giờ, nếu không đảm bảo thời gian chiếu sáng sẽ làm giảm năng suất trứng. Cường độ chiếu sáng là 5 W/m².

* Cung cấp nước:

Nhu cầu nước uống từ 0,6 - 0,7 lít/con/ngày. Vịt nuôi có mương bơi hoặc nuôi trên khô có máng uống đều phải sử dụng nước sạch và đủ nước. Nếu không đủ nước vịt sẽ không ăn và không đẻ. Khi để máng uống ở ngoài chuồng nuôi phải che máng uống, tránh để vịt, uống nước quá nóng, thường xuyên thay nước uống cho vịt.

* Chăm sóc nuôi dưỡng:

Chuồng phải sạch sẽ và khô ráo, độn chuồng phải dày 10 - 15 cm, hàng ngày cho thêm độn chuồng, đặc biệt là ổ đẻ.

Chuyển từ thức ăn vịt hậu bị sang thức ăn vịt đẻ được tiến hành 2 tuần trước khi vịt đẻ, phải đồ thức ăn làm nhiều lần trong ngày (2 - 3 lần) để thức ăn không bị tồn đọng ở máng ăn. Thức ăn phải đảm bảo chất lượng, máng ăn phải để trong chuồng nuôi

tránh mưa và sương làm mốc thức ăn, nếu nuôi nhốt trên vườn cây phải để máng ăn ở vị trí cố định và phải có che mưa nắng.

Hạn chế tác động mạnh về ánh sáng, âm thanh và những tác động bất thường khác đến đàn sinh sản để tránh hiện tượng đẻ non và đẻ trứng hai lòng.

Vịt nuôi trên khô phải vệ sinh sân chơi luôn sạch sẽ để tránh gai giao cấu chạm xuống nền chuồng và sân chơi dẫn đến nhiễm trùng, hao hụt con đực nhiều.

* Thu nhặt trứng:

Bổ sung thường xuyên rơm/phoi bào/trấu vào ổ đẻ đủ dày để tránh dập trứng. Cần vệ sinh, thay đệm lót ổ này khi bị bẩn ướt, vịt đẻ tập trung vào 3 - 5 giờ hàng ngày, vì vậy thu nhặt trứng vào buổi sáng từ 6 - 7 giờ. Sau khi nhặt trứng nếu trứng bẩn phải rửa bằng dung dịch sát trùng hoặc lau sạch và xông sát trùng, sau đó đưa trứng vào bảo quản.

* Kiểm tra sức khỏe đàn vịt:

Hàng ngày, buổi sáng kiểm tra sức khỏe đàn vịt, nếu có sự thay đổi khác thường, phải cách ly và thông báo ngay cho cán bộ khuyến nông và thú y để xử lý.

Trong giai đoạn vịt sinh sản, cần loại những con vịt quay lông (rụng lông ở cánh và đuôi) vì những con đó năng suất trứng rất thấp, khi ở thời điểm thay lông thì vịt không sinh sản.

* Ghi chép chăn nuôi:

Sổ ghi chép chăn nuôi được ghi những thông số về ngày tuổi, tình trạng sức khỏe, thức ăn, nước uống, vắc-xin và thuốc sử dụng để theo dõi tình trạng đàn vịt cũng như tính toán kinh tế khi xuất chuồng■

TS. HẠ THÚY HẠNH

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Kỹ thuật trồng và chăm sóc

Cây cải bắp

Cây cải bắp (*Bassica oleracea* L. var. *capitata*) có nguồn từ Tây Bắc châu Âu, nhưng đến khoảng giữa thế kỉ 16 cải bắp mới trở thành loại rau quan trọng nhất của châu Âu. Sau đó từ châu Âu cải bắp được đưa đi trồng rộng rãi ở nhiều nơi trên thế giới. Tuy nhiên, sản xuất cải bắp ở khu vực nhiệt đới và á nhiệt đới còn hạn chế bởi vì cải bắp sinh trưởng thích hợp với những vùng núi cao hoặc nơi có mùa đông lạnh.

Bản tin Thông tin Khuyến nông Việt Nam giới thiệu kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cải bắp như sau:

1. Yêu cầu ngoại cảnh

- Nhiệt độ: Hạt cải bắp nảy mầm thích hợp ở nhiệt độ 18 - 20°C. Cây cải bắp sinh trưởng thích hợp ở nhiệt độ trung bình ngày 15 - 20°C, biên độ dao động nhiệt độ ngày và đêm là 5°C. Ở điều kiện nhiệt độ này bắp cải có chất lượng tốt nhất (lá mềm, cuộn chắc ăn ngon, ngọt). Vùng nhiệt đới chỉ có điều kiện này ở độ cao trên 800 m so với mực nước biển. Nhiệt độ vượt quá 25°C cải bắp vẫn sinh trưởng nhưng khả năng cuộn bắp hạn chế, chất lượng bắp kém, lá cứng không ngọt. Các giống cải bắp sớm (KK Cross, cải bắp Hà Nội...) có thể tạo bắp ngay trong điều kiện nhiệt độ tương đối cao.

- Ánh sáng: Trong điều kiện vụ đông xuân của miền Bắc Việt Nam có thời gian chiếu sáng ngắn (8 - 10 giờ/ngày) nên cải bắp sinh trưởng tốt, nhiều khả năng đạt năng suất cao.

- Độ ẩm: Độ ẩm đất thích hợp là từ 75 - 85%, độ ẩm không khí khoảng 80 - 90%. Đất quá ẩm (trên 90%) trong 2-3 ngày sẽ làm tổn thương rễ cây và gây hại toàn bộ ruộng cải bắp.



Cây cải bắp thích hợp trên đất giàu dinh dưỡng, hàm lượng mùn cao

- Đất và dinh dưỡng: Cây cải bắp thích hợp trên đất giàu dinh dưỡng, hàm lượng mùn cao, thoát nước tốt, đủ ẩm, độ pH từ 6 - 6,5. Cải bắp ưa đất thịt nhẹ pha cát, tốt nhất là đất phù sa được bồi hàng năm.

2. Thời vụ

Có 3 vụ chính gồm vụ sớm, chính vụ và vụ muộn.

Vụ	Thời gian gieo hạt	Giống
Vụ sớm	Cuối tháng 7 đầu tháng 8	Giống nhập nội: KK Cross. Các giống địa phương: Phù Đổng, Lạng Sơn...
Chính vụ	Cuối tháng 9 đầu tháng 10	NS Cross và KY Cross
Vụ muộn	Tháng 11 đến giữa tháng 12	NS Cross và KY Cross

3. Vườn ươm

Làm đất kỹ, lên luống cao 25 - 30 cm, rộng 80 - 100 cm. Bón lót 1 tấn phân chuồng đã ủ hoai mục + 20 kg lân supe + 10 kg kali sulfat cho 1000 m².

Rải phân đều trên mặt luống, đảo đều đất và phân, vét đất ở rãnh phủ lên mặt luống dày 1,5 - 2 cm. Hạt giống nên ngâm vào nước ấm 50°C trong 20 phút, sau đó ngâm nước thường từ 8 - 10 giờ trước khi gieo. Lượng hạt gieo 1,5 - 2,0 g/m², gieo xong phủ lên một lớp rơm rạ dày 1 - 2 cm, sau đó dùng ô-đoa tưới ẩm nước. Trong 3 - 5 ngày sau gieo tưới 1 - 2 lần/ngày, khi hạt nảy mầm lên khỏi mặt đất ngừng tưới 1 - 2 ngày, sau đó cứ 2 ngày tưới 1 lần.

Khi cây được 2 - 3 lá thật, tỉa bỏ cây bệnh, cây không đúng giống, để mật độ 3 - 4 cm/cây. Sau mỗi lần nhổ tỉa, kết hợp tưới thúc bằng phân chuồng ngâm ngấu pha loãng, không tưới phân đạm.

Tiêu chuẩn cây giống tốt: Phiến lá tròn, đốt thân ngắn, mập, lùn. Cây có 5 - 6 lá thật thì nhổ trồng.

4. Làm đất, bón lót trồng cây

- Nơi trồng rau an toàn phải xa nguồn nước thải, các khu công nghiệp. Đất trồng phải đảm bảo tưới tiêu chủ động.

- Làm đất kỹ, nhỏ, tơi xốp; lên luống cao 0,2 - 0,25 m, rộng 1 - 1,2 m, rãnh luống 0,2 - 0,3 m.

- Mật độ trồng:
- + KK Cross, KY Cross: 35.000 cây/ha (cây cách cây 35 - 40 cm, hàng cách hàng 60 - 70 cm).
- + NS Cross: 30.000 cây/ha (cây cách cây 40 cm, hàng cách hàng 60 - 70 cm).

5. Bón phân

Nếu có điều kiện bón, tốt nhất lượng phân chuồng cho 1 ha là 20 - 25 tấn (700 - 800 kg/sào Bắc bộ), dùng bón lót, chỉ sử dụng phân chuồng ủ mục, tuyệt đối không dùng phân tươi.

Liều lượng và cách bón các loại phân như sau:

Loại phân	Tổng số	Bón lót (%)	Bón thúc (%)		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
Phân chuồng hoai mục (tấn/ha)	20-25	100	-	-	-
Lân supe (kg/ha)	375	100	-	-	-
Đạm urê (kg/ha)	200-240		25	50	25
Kali sulfat (kg/ha)	200		30	40	30

* Bón thúc làm 3 đợt:

- Lần 1: Sau trồng 15 ngày.
- Lần 2: Thời kỳ trái lá bằng.
- Lần 3: Bắt đầu vào cuốn.

Có thể dùng đạm nitrat amôn, sulfat amôn thay cho urê, kali clorua thay cho kali sulfat hoặc các dạng phân hỗn hợp, phức hợp NPK để bón với liều nguyên chất tương ứng. Ngoài biện pháp bón vào đất, có thể phun qua lá các dung dịch dinh dưỡng đa lượng, trung lượng, vi lượng theo hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất.

6. Tưới nước

- Tuyệt đối không được dùng nguồn nước thải, nước ao tù chưa được xử lý để tưới.
- Sau khi trồng phải tưới nước ngay, ngày tưới 2 lần vào sáng sớm và chiều mát cho đến khi cây hồi xanh, sau đó 3 - 5 ngày tưới 1 lần phụ thuộc vào độ ẩm đất.
- Các đợt bón thúc đều phải kết hợp làm cỏ, xới xáo, vun gốc, tưới nước.
- Khi cây trái lá bằng có thể tưới rãnh, sau đó phải tháo nước ngay tránh ngập úng.
- Từ khi cải bắp cuốn đến khi thu hoạch, chú ý tưới ẩm đều, nếu để ruộng bị khô quá rồi tưới ẩm, cải bắp có thể bị nứt vỡ, ảnh hưởng đến chất lượng. Ngày tưới trước khi thu hoạch từ 5 đến 7 ngày.

7. Phòng trừ sâu bệnh

Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp trong sản xuất rau an toàn. Khi dịch hại phát

triển quá ngưỡng gây hại kinh tế mới áp dụng các biện pháp hóa học để phòng trừ. Chú ý sử dụng thuốc có độ độc thấp.

a) Sâu hại

Cải bắp có các loại sâu hại chính như:

* Sâu tơ (*Plutella xylostella*): Là sâu gây hại nguy hiểm nhất, chúng phát sinh và gây hại liên tục từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Sâu rất nhanh quen thuốc nên phải áp dụng biện pháp luân phiên thuốc:

- Trước khi trồng ra ruộng 1 - 2 ngày nên phun thuốc Sherpa 25EC hoặc Regent 800WG nồng độ 0,1%.

- Trong giai đoạn sinh trưởng của cây có thể sử dụng các loại thuốc như: Thuốc sinh học (BT, Delfin WP (32 BIU), Dipel 3,2WP, Aztron700 DBMu, Xentary 35WDG...); thuốc hoá học (Sherpa 25EC, Atabron 5EC, Regent 800WG, Pegasus 500SC...) và thuốc thảo mộc (HCD95 BTN, Rotenone, Neembon A-EC, Nimbecidin 0,03EC...). Nồng độ và thời gian cách ly của từng loại thuốc áp dụng theo hướng dẫn ghi trên nhãn bao bì.

- Trồng luân canh giữa rau cải bắp với lúa nước hoặc các nhóm rau khác họ (đậu, cà). Trên cùng ruộng có thể trồng xen canh cà chua với rau họ thập tự để hạn chế gây hại của sâu tơ.

* Các loại sâu khác như: Sâu xanh bướm trắng (*Pieris rapae*), sâu khoang (*Spodoptera liture*), rệp (*Aphis* sp.) cần thường xuyên phòng trừ kết hợp với phòng trừ sâu tơ. Nếu chỉ có riêng rệp hại nặng thì dùng thuốc Sherpa 25EC, Somicidin 10EC, Trebon 10EC, Suprathion và Pegasus.

b) Bệnh hại

Các bệnh hại chính trên cải bắp gồm: Thối nhũn do vi khuẩn (*Erwinia carotovora* sp.), bệnh thối do nấm (*Sclerotinia sclerotium*), bệnh đốm lá (*Cereospora* sp.). Hạn chế bệnh bằng cách không để ruộng quá ẩm, úng kéo dài; thường xuyên làm vệ sinh, làm cỏ, thu gom các lá già... làm cho ruộng sạch, thông thoáng.

Khi cần có thể dùng các thuốc:

- Trừ bệnh thối nhũn: Zineb Bul 80WP, Macozeb 80WP, Ridomil MZ 72WP, Anvil 5SC, Aliette 80WP, Curzate MB 72WP.

- Trừ bệnh đốm lá: Score 250EC, Anvil 5SC, Rovral 50WP, Antracol 70WP.

Khi sử dụng nồng độ, liều lượng và thời gian cách ly phải tuân thủ theo đúng hướng dẫn trên nhãn bao bì của từng loại thuốc.

8. Thu hoạch

Thu hoạch khi bắp cải cuộn chặt, loại bỏ lá gốc, lá bị bệnh; không làm dập nát và ngâm bắp cải trong nước.

Kỹ thuật

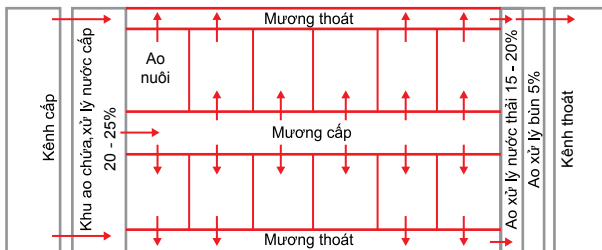
NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG TRONG AO ĐẤT

I. LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM NUÔI

Cơ sở nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch hoặc được cơ quan quản lý cho phép. Gần đường giao thông, đường điện, thông tin liên lạc thuận lợi. Vị trí ao nuôi ở vùng trung triều trở lên, có chất đất phù hợp (pH > 5, tốt nhất là đất sét pha thịt, thịt pha cát, ít mùn bã hữu cơ,...). Nguồn nước đầy đủ, chất lượng nước phù hợp cho nuôi tôm. Tránh tác động của các nguồn nước gây ô nhiễm từ vùng canh tác nông nghiệp, chất thải công nghiệp và sinh hoạt.

II. THIẾT KẾ XÂY DỰNG AO NUÔI

Có hệ cấp, thoát nước riêng biệt, ao lắng, ao chứa, ao nuôi, không rò rỉ, thâm lậu, sạt lở.



Diện tích ao nuôi thiết kế từ 0,2 - 0,5 ha. Độ sâu ao mực nước ao 1,5 - 1,8 m, bờ cao hơn mức nước cao nhất 0,5 m. Ao thường có dạng hình chữ nhật hoặc hình vuông để máy quạt nước dễ thu gom chất thải vào giữa ao. Đáy ao bằng phẳng, có độ dốc khoảng 15° nghiêng về phía cống thoát nước.

III. CHUẨN BỊ AO NUÔI

1. Cải tạo ao nuôi

Đối với ao đã sử dụng cần vét hết bùn sau mỗi vụ nuôi đưa vào nơi quy định hoặc giữ nước trong ao từ 30 - 40 cm, sử dụng chế phẩm sinh học dạng vi sinh để phân hủy chất hữu cơ trong 3 - 4 ngày. Kiểm tra pH đáy ao và dựa vào bảng 1 để bón cho phù hợp.

Bảng 1. Bón vôi và cải tạo đáy ao phụ thuộc pH đất

PH của đất	Nhu cầu bón [CaCO ₃ 70% và CaMg(CO ₃) ₂ 30%] (kg/ha)		
	Đáy ao nhiều mùn hay sét	Đáy ao cát pha bùn	Đáy ao cát
> 6,5	Không bón	Không bón	Không bón
6,1 - 6,5	1.700	1.500	0
5,6 - 6,0	3.500	1.700	500
5,1 - 5,5	5.000	3.000	1.500

Đối với ao mới xây dựng cho nước vào ngâm 2 - 3 ngày rồi xả hết nước, ngâm và tháo nước như vậy 2 - 3 lần.

Khi bón vôi rải đều trên mặt ao, đáy ao cần có đủ độ ẩm, bón nhiều cần trộn với bùn đáy ao tạo thành lớp bùn ngăn cách và trung hoà khi a-xít tăng, tác dụng của vôi sẽ có hiệu quả cao nhất.



Bón vôi cho ao mang lại nhiều tác dụng tốt đến môi trường ao nuôi

Phơi khô đáy ao 5 - 7 ngày. Đối với những ao không phơi được: Bơm cạn nước, dùng máy cào chất thải về cuối góc ao, bơm chất thải vào ao chứa thải, sau đó bón vôi với liều lượng như bước 2.

2. Xử lý nước và lấy nước vào ao nuôi

Lấy nước vào ao lắng qua túi lọc bằng vải dày, sau đó chạy quạt nước liên tục trong 2 - 3 ngày để kích thích trứng tôm, ốc, côn trùng, cá tạp nở thành ấu trùng.

Diệt tạp, diệt khuẩn nước cấp trong ao lắng vào buổi sáng (8 giờ) hoặc buổi chiều (16 giờ) bằng Chlorine nồng độ 30 ppm (30 kg/1.000 m³ nước), hoặc những chất diệt tạp có tên trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (không dùng thuốc bảo vệ thực vật và các chất cấm).

Quạt nước liên tục trong 10 ngày để phân hủy dư lượng Chlorine. Kiểm tra dư lượng Chlorine trong nước bằng thuốc thử. Cấp nước từ ao lắng qua ao nuôi (qua nhiều lớp túi lọc bằng vải dày) đến khi nước trong ao nuôi đạt từ 1,3 - 1,5 m, để lắng 2 ngày.

3. Gây màu nước

Gây màu nước giúp phát triển vi sinh vật phù du, ổn định môi trường nước, tạo môi trường thuận

lợi hạn chế tôm bị sốc, tăng tỷ lệ sống. Hai ngày sau khi cấp nước vào ao nuôi, gây màu nước bằng cách:

Cách 1: Bằng cám ủ (thành phần: cám gạo, bột đậu nành, bột cá phối trộn theo tỷ lệ 2:2:1. Nấu chín, ủ trong 2 - 3 ngày).

- **Bước 1:** Lúc 7 - 8 giờ sáng: Bón vôi đen Dolomite $\text{CaMg}(\text{CO}_3)_2$ hoặc vôi nông nghiệp CaCO_3 liều lượng 100 - 150 kg/1.000 m³.

- **Bước 2:** Lúc 10 - 12 giờ, bón cám ủ liều lượng 3 - 4 kg/1.000 m³.

Lặp lại 2 bước trên liên tục trong 3 - 5 ngày đến khi độ trong của nước đạt 30 - 40 cm.

Cách 2: Bằng mật đường + cám gạo + bột đậu nành (tỷ lệ 3:1:3) ủ trong 12 giờ.

- Lúc 9 - 10 giờ sáng: Bón mật đường + cám gạo + bột đậu nành đã qua ủ với liều lượng 2 - 3 kg/1.000 m³ nước ao, tạt liên tục 3 ngày.

- Khi màu nước trong ao chuyển sang màu của tảo khuê (vàng hay nâu nhạt) hay màu xanh vỏ đậu thì tiến hành thả giống.

Có thể gây màu nước bằng chế phẩm vi sinh theo hướng dẫn của nhà sản xuất có uy tín để phân hủy mùn bã hữu cơ lơ lửng, xác tảo chết và tạo nguồn vi khuẩn có lợi giúp môi trường nuôi ổn định, tạo điều kiện cho tôm phát triển tốt ngay từ đầu.

IV. LỰA CHỌN CON GIỐNG THẢ NUÔI

1. Chọn và thả giống

- Chọn mua tôm giống từ các cơ sở có uy tín, có phiếu xét nghiệm âm tính về các mầm bệnh MBV, đốm trắng, đầu vàng, taura, IMNV, hoại tử gan tụy...

- Cỡ giống: Tôm thẻ chân trắng P₁₂ trở lên.

2. Mật độ giống thả:

- Mật độ: Từ 30 - 60 con/m².

- Cách thả: Thả vào sáng sớm hoặc chiều mát. Trước khi thả giống cần chạy quạt nước từ 8 - 12 giờ để đảm bảo lượng oxy hòa tan trong ao phải lớn hơn 4 mg/l. Cân bằng nhiệt độ nước và nước ao nuôi bằng cách thả nổi bao giống trên mặt hồ cho tới khi nhiệt độ nước giữa bao giống và ngoài ao bằng nhau. Sau đó, cho nước từ từ vào đầy bao, cầm phía đáy bao từ từ dốc ngược để tôm giống theo nước ra ao nuôi.

V. QUẢN LÝ CHĂM SÓC

1. Thức ăn

Sử dụng loại thức ăn được phép lưu hành ở Việt Nam, có nhãn mác rõ ràng, công bố chất lượng, còn hạn sử dụng, có thành phần dinh dưỡng thích hợp. Hàm lượng protein từ 32 - 38%.

2. Cho ăn

Cho ăn đúng, đủ, không cho ăn thừa, kích cỡ thức ăn phù hợp từng giai đoạn nuôi. Tháng đầu chỉ rải xung quanh bờ ao, cho ăn 2 - 3 lần/ngày. Ngày

đầu tiên sử dụng thức ăn với lượng 2 kg/100.000 giống. Trong 20 ngày đầu tiên, cứ 1 ngày tăng 0,2 kg/100.000 giống. Từ ngày thứ 21, cứ 1 ngày tăng 0,5 kg/100.000 giống. Từ tháng sau trở đi lượng thức ăn từ 5,8% khối lượng thân giảm dần đến 2,1% khi cỡ tôm > 60 con/kg. Cho ăn 4 lần/ngày, được rải đều khắp ao. Cần điều chỉnh thức ăn cho phù hợp.

3. Quản lý môi trường

Kiểm tra thường xuyên hay định kỳ pH, độ kiềm, amoniac, ôxy để điều chỉnh kịp thời: DO, pH, độ trong (đo hàng ngày); độ kiềm và NH₃ (3 - 5 ngày đo một lần); pH và độ kiềm là hai yếu tố quan trọng tác động đến đời sống của tôm. Khi pH và độ kiềm thay đổi ngoài khoảng thích hợp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tôm nuôi. Từ ngày 20 - 25 trở đi định kỳ sử dụng chế phẩm sinh học để phân hủy chất hữu cơ và giảm NH₃.

Hạn chế lấy nước vào ao nuôi, khi cần thiết thì lấy nước vào ao lắng rồi xử lý Chlorine liều 30 kg/1.000 m³ chạy quạt liên tục, đến khi hết dư lượng Chlorine thì tiến hành bơm vào ao nuôi (qua túi lọc).

Chất xử lý môi trường, cải tạo môi trường phải nằm trong danh mục được phép sử dụng. Thực hiện chế độ quạt nước/sục khí quy định theo tuổi của tôm và mật độ tôm nuôi.

VI. QUẢN LÝ SỨC KHỎE

Cần thực hiện tốt tất cả công đoạn trong quá trình nuôi tôm. Kiểm tra hàng ngày xung quanh bờ ao hoạt động (bơi lội, bắt mồi...), ngoại hình và các dấu hiệu bệnh lý để từ đó xác định nguyên nhân. Nếu nguyên nhân do môi trường thì tiến hành xử lý, điều chỉnh thức ăn. Nếu nguyên nhân do tác nhân hữu sinh thì áp dụng chữa trị khi được cán bộ chuyên môn chẩn đoán.

Kiểm soát sự lây nhiễm như khử trùng các thiết bị, dụng cụ, xử lý tôm chết, tôm bị bệnh, xua đuổi địch hại...

VII. THU HOẠCH VÀ BẢO QUẢN SẢN PHẨM

Sau khi tôm đạt kích cỡ 60 - 80 con/kg tiến hành thu hoạch, tốt nhất sau khi tôm lột xác 5 - 7 ngày để tránh tỷ lệ hao hụt.

Địa điểm thu tôm, dụng cụ chứa, phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh sạch. Nước đá sử dụng lấy tại cơ sở có giấy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhiệt độ trong quá trình vận chuyển và bảo quản phải thấp hơn 4°C.

Không ngâm tằm, ướp, nhồi nhét, bơm chích tạp chất không rõ nguồn gốc vào tôm nguyên liệu làm nguy hại sức khỏe người tiêu dùng ■

KIM VĂN TIÊU

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Gà con của gia đình tôi dưới 1 tháng tuổi, gần đây gà thờ không ra tiếng, mắt nhắm, gầy, yếu, chết, bỏ ăn, xù lông xơ cánh, đã bị 3 - 4 ngày, sử dụng thuốc không khỏi. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Giàng Sao Dững
Cốc Ly, Bắc Hà, Lào Cai

Đáp:

Bệnh do vi khuẩn *E. coli* gây nên.

Điều trị bệnh có thể dùng một trong các thuốc sau (trộn thức ăn hoặc nước uống): Gentadox, Gentacostrim, Doxygen; hoặc tiêm Gentamicin, Lincospecto liều theo hướng dẫn sử dụng;

Kết hợp bổ sung vitamin, khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột của gà, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

* Phòng bệnh

Vệ sinh chuồng trại, phun sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi theo định kì.

- Đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, bổ sung các vitamin.

Hỏi: Gia đình tôi có trồng 2.000 m² bí đao được hơn 1 tháng, 10 ngày nay 50% rễ con và cả rễ cọc chính bị xoắn và sần sùi; lá bị xoắn, sần sùi và vàng; cây chậm phát triển; hoa ra nhiều nhưng tỉ lệ đậu quả rất thấp, quả bị thối. Hiện, tôi đã khắc phục bằng thuốc bảo vệ thực vật nhưng chưa khỏi. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Bùi Văn Long
Kim Bôi, Hòa Bình

Đáp:

Cây bí đao của gia đình anh đã bị bệnh do tuyến trùng gây hại. Cách khắc phục như sau:

- Nhổ bỏ, tiêu hủy cây bị bệnh nặng, rắc vôi bột khử trùng đất.

- Cần tưới gốc bằng thuốc có hoạt chất: Diazinon hoặc Abamectin... để phòng chống cần luân canh với cây trồng nước.

- Bón phân chuồng hoai mục ủ với Trichoderma hoặc Bacillus với lượng 10 - 12 tấn/ha để hạn chế bệnh.

- Để hạn chế bệnh, nên luân canh với cây trồng khác họ.

Hỏi: Ao nuôi cá của gia đình tôi rộng 1.000 m², sâu 1,5 m, không có nước ra vào. Tôi nuôi cá trắm. Khi cá lớn đến 5 ngón tay thì phát triển tốt nhưng sau đó thì cá ngắn lại, đuôi cong vẹo, phát triển kém. Tôi đã nuôi 3 lứa cá và cả 3 lứa đều bị hiện tượng trên. Gia đình đã khắc phục bằng nhiều cách nhưng không khỏi. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Đào Thiết
Ân Thi, Hưng Yên

Đáp:

Hiện tượng cá trắm bị vẹo cong đuôi do nhiều nguyên nhân như: Do thiếu khoáng chất, do bị dòng điện nhẹ chạy qua khi dùng kích điện đánh cá, do chất lượng con giống. Để khắc phục hiện tượng trên, gia đình bác cần làm như sau:

- Nên lấy giống ở nơi có địa chỉ tin cậy.

- Không nên lấy cá đẻ quá sớm hoặc cuối vụ vì chất lượng cá không đảm bảo, thời tiết nuôi không đảm bảo.

- Bổ sung khoáng chất cho cá ăn với liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm.

- Định kỳ 15 ngày bón vôi một lần với liều lượng 2 - 3 kg vôi/ 100 m³ nước, hòa tan té đều.



Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống cho đàn gà

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CAO SU, CÀ PHÊ ĐỒNG LOẠT SỤT GIẢM

Là hai mặt hàng chủ lực trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu nhưng từ đầu năm đến nay, giá trị xuất khẩu cà phê, cao su thường xuyên trong tình trạng sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

7 tháng đầu năm, xuất khẩu cao su đạt 519 nghìn tấn, giá trị đạt 760 triệu USD, tăng 13,6% về khối lượng nhưng giảm 9,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá cao su xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm đạt 1.457 USD/tấn, giảm 22,28% so với cùng kỳ năm 2014. Tại thị trường trong nước, so với tháng 6, giá cao su thành phẩm trong tháng 7 giảm đáng kể. Cụ thể, tại Bình Phước, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Dương giá cao su thành phẩm biến động như sau: Cao su SVR 3L giảm từ 28.600 đồng/kg xuống còn 27.700 đồng/kg; cao su SVL10 giảm từ 23.600 đồng/kg xuống còn 22.800 đồng/kg. Giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước tháng 7 cũng giảm từ 9.920 đồng/kg xuống còn 8.000 đồng/kg.

Mặt hàng cà phê cũng không mấy khả quan khi tính đến hết tháng 7, khối lượng xuất khẩu cà phê chỉ đạt 792 nghìn tấn với tổng giá trị 1,63 tỷ USD, giảm gần 34% về khối lượng và giảm 33,7% về giá trị so cùng kỳ năm 2014. Trong nước so với cuối tháng 6, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên ngày 21 - 7 giảm tới 1.900 đồng/kg xuống còn 35.600 - 36.100 đồng/kg.

Theo Báo Hải quan

NHÃN HƯNG YÊN HIỆN ĐANG CHUẨN BỊ BƯỚC VÀO VỤ THU HOẠCH; TRONG ĐÓ, DIỆN TÍCH NHÃN ĐƯỢC CẤP MÃ VÙNG ĐỂ XUẤT KHẨU SANG MỸ ĐANG ĐƯỢC CÁC CHỦ VƯỜN CHĂM SÓC KỸ LƯỢNG ĐỂ CHỜ NGÀY XUẤT NGOẠI VÀO TRUNG TUẦN THÁNG 8.

Tại các vùng trọng điểm nhãn ở Hưng Yên hiện có 2 mã vùng được cấp để xuất khẩu với diện tích 20 ha của 175 hộ trồng nhãn ở xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu và xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên. Các hộ tham gia đã được tập huấn và hỗ trợ kinh phí thuốc bảo vệ thực vật và túi bảo quản nhãn. Từ khi được cấp mã vùng đến nay, quy trình sản xuất được giám sát chặt chẽ, dịch hại trên cây nhãn được theo dõi và phòng trừ kịp thời, đúng kỹ thuật, đảm bảo để quả nhãn phát triển tốt. Các hộ tham gia vùng nhãn xuất khẩu đang tập trung chăm sóc theo qui trình VietGAP, áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, đặc biệt là sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học để tạo sản phẩm an toàn.

Để siết chặt hơn nữa quy trình sản xuất nhãn đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu, các cơ quan chuyên ngành của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tích cực bám sát các nhà vườn để hướng dẫn, khuyến cáo người dân trồng nhãn các biện pháp kỹ thuật, qui định để đạt được mục tiêu đề ra.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

XUẤT KHẨU TRÁI CÂY CỦA NEW ZEALAND TĂNG CAO KỶ LỤC

Theo số liệu thống kê của Chính phủ New Zealand, kim ngạch xuất khẩu trái cây của nước này trong niên vụ kết thúc vào tháng 6/2015, tăng 20% so với niên vụ trước, lên mức kỷ lục 2 tỷ đôla New Zealand (1,32 tỷ USD).

Nguyên nhân chính dẫn tới kết quả tích cực trên là nhờ giá trái cây tăng cao và khối lượng trái cây xuất khẩu của nước này đã tăng 9%, nhất là vào các tháng 4 - 6. Trái kiwi và táo là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của New Zealand, với giá trị đạt mức cao kỷ lục trong tháng 5. Châu Âu là thị trường xuất khẩu trái cây lớn nhất của New Zealand trong niên vụ vừa qua, khi chiếm tới 27% tổng lượng xuất khẩu trái cây của nước này, các vị trí tiếp theo lần lượt là Nhật Bản (14%) và Trung Quốc (13%).

Sự gia tăng hoạt động xuất khẩu nông sản của New Zealand và các đối thủ khác thời gian qua đang làm "lung lay" vị trí thống trị của Australia trên thị trường rau, hoa, củ, quả; vốn bị chi phối bởi hai chuỗi cung ứng lớn là Woolworths và Coles. Hoạt động cung cấp nông sản mạng về cho Australia khoảng 90 tỷ AUD (66 tỷ USD) mỗi năm, nhưng đang giảm dần trước sự cạnh tranh của các doanh nghiệp như chuỗi siêu thị tự nhiên Aldi của Đức và tập đoàn độc lập IGA.

Theo TTXVN

MYANMAR TẠM DỪNG XUẤT KHẨU GẠO ĐẾN TRUNG TUẦN THÁNG 9

Theo Liên đoàn Lúa gạo Myanmar (MRF) ngày 4/8, các doanh nghiệp buôn bán thóc gạo nước này đã đồng ý tạm ngừng xuất khẩu gạo đến giữa tháng 9/2015 nhằm bình ổn giá gạo và đáp ứng đủ thị trường gạo trong nước.

MRF cam kết sẽ thực hiện những biện pháp nhằm tránh tình trạng giá gạo bị đẩy lên và nguy cơ thiếu cung tại các vùng bị lũ lụt. Theo Bộ Nông nghiệp và Thủy lợi Myanmar, khoảng 850.600 mẫu (trên 344.490 ha) đất trồng trọt ở nước này đang bị ngập lụt, trong đó bang Rakhine chịu ảnh hưởng nặng nhất với hơn 105.300 ha đất nông nghiệp bị ngập nước. Trong khi đó, Liên minh châu Âu (EU) đang tìm cách nhập khẩu hai loại gạo thơm Lone Thwal Hmwe và Paw San (gạo Paw San được đánh giá là loại ngon nhất thế giới tại Hội nghị Lúa gạo Thế giới năm 2011) do nhu cầu gia tăng. Các viên chức của MRF cho biết, Myanmar có thể đẩy mạnh sản xuất các loại thóc gạo thơm ngắn hạn và dài hạn để đáp ứng nhu cầu của EU.

Số liệu chính thức của Myanmar cho thấy xuất khẩu gạo trên cả nước đạt gần 2 triệu tấn trong năm tài chính vừa kết thúc vào cuối tháng 3 vừa qua, tăng 40% so với tài khóa trước.

Theo VietnamPlus